

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ - TỈNH QUẢNG TRỊ

Đông Hà, tháng năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ - TỈNH QUẢNG TRỊ

Ngày tháng năm 2025

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH QUẢNG TRỊ

Ngày tháng năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	2
1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên	2
1.1.1. Vị trí địa lý	2
1.1.2. Địa hình, địa mạo	2
1.1.3. Khí hậu	3
1.1.4. Thủy văn.....	4
1.2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên	5
1.2.1. Tài nguyên đất.....	5
1.2.2. Tài nguyên nước.....	5
1.2.3. Tài nguyên rừng	6
1.2.4. Tài nguyên khoáng sản.....	6
1.2.5. Tài nguyên nhân văn	7
1.3. Hiện trạng môi trường	7
1.3.1. Môi trường không khí	7
1.3.2. Môi trường nước	8
1.3.3. Hiện trạng chất thải rắn	9
1.4. Đánh giá chung.....	11
1.4.1. Thuận lợi	11
1.4.2. Những khó khăn, hạn chế.....	11
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....	11
2.1. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	11
2.2. Phát triển kinh tế - xã hội	12
2.3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán.....	13
2.4. Thực trạng phát triển đô thị.....	14
2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng.....	14
2.6. Đánh giá chung.....	17
2.6.1. Thuận lợi	17

2.6.2. Những khó khăn, hạn chế.....	17
2.7. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, nguồn lực của thành phố và tình tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất	17
2.7.1. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	17
2.7.2. Phát triển các ngành lĩnh vực	18
2.7.3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán	20
2.7.4. Thực trạng phát triển đô thị.....	20
III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	22
3.1. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất	22
3.1.1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp	23
3.1.2. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp	24
3.1.3. Hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng.....	27
3.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	28
3.2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp	28
3.2.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2024	28
3.2.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân	35
3.2.4. Kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2024.....	36
3.3. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất.....	36
3.4. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	37
3.4.1. Đánh giá những mặt được trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	37
3.4.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	38
3.4.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.....	39
3.4.4. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ tới...39	
3.4.5. Giải pháp khắc phục	40
IV. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025	41
4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất	41

4.1.1. Đất nông nghiệp	43
4.1.2. Đất phi nông nghiệp	45
4.1.3. Đất chưa sử dụng	53
4.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	54
4.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	60
4.4. Diện tích đất cần thu hồi	64
4.5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	67
4.6. Giao đất, cho thuê đất đối với thửa đất nhỏ hẹp	68
4.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch	69
4.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất	69
4.8.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai	69
4.8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai	69
V. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	70
5.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu	70
5.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	71
5.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	72
VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	73
6.1. Kết luận	73
6.2. Kiến nghị	73
BIỂU SỐ LIỆU	74

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thành phố Đông Hà nằm ở vị trí trung độ của cả nước, với tổng diện tích tự nhiên 7.308,53 ha, mật độ dân số khoảng 1.412 người/km². Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh Quảng Trị, nằm trên trục hành lang kinh tế Đông - Tây nối liền 13 tỉnh của 4 quốc gia (Việt Nam, Lào, Thái Lan, Myanmar); có mạng lưới giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt thuận lợi, có vị trí về quốc phòng - an ninh khu vực miền Trung, cũng như hội tụ các điều kiện giao lưu, tiếp thu các thành tựu khoa học tiên tiến, khả năng thu hút đầu tư để xây dựng phát triển trở thành đô thị hiện đại, ngang tầm khu vực. Để quản lý, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thì công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được triển khai thực hiện một cách kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định pháp luật.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 khẳng định “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”.

Luật Đất đai năm 2024, tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 quy định: “Nguyên tắc sử dụng đất phải đúng mục đích sử dụng đất. Bền vững, tiết kiệm, có hiệu quả đối với đất đai và tài nguyên trên bề mặt, trong lòng đất”. Tại Điều 60, 64, 65, 66 quy định các nguyên tắc, căn cứ, nội dung lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện ở 3 cấp là quốc gia, tỉnh, huyện. Tại Điều 70, 72, 75, 76 xác định thẩm quyền quyết định, xét duyệt, điều chỉnh, công bố và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tại Điều 116 cũng quy định căn cứ để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất là kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Thông tư số 29 năm 2024, tại Điều 45, 46, 47, 48, 49 quy định: Kỹ thuật lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Vì vậy, để sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả quỹ đất, tránh việc giao đất, cho thuê đất bừa bãi gây tình trạng chiếm dụng quỹ đất; mua bán chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc giao đất, cho thuê đất đối với các nhà đầu tư có năng lực tài chính hạn chế, dẫn đến đất đai bị bỏ hoang, bị lấn chiếm, sử dụng sai mục đích, do đó việc lập Kế hoạch sử dụng đất của thành phố năm 2025 là hành lang pháp lý cho công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật đất đai và là một dung bắt buộc trong quá trình quản lý, sử dụng đất của thành phố Đông Hà, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế- xã hội của thành phố trong thời gian tới.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Thành phố Đông Hà là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Quảng Trị, nằm ở tọa độ 16°40'53" - 16°52'22" vĩ độ Bắc, 107°40'24" - 107°04'24" kinh độ Đông. Cách thành phố Đồng Hới 93 km về phía Nam, cách thành phố Huế 70 km về phía Bắc, cách cửa khẩu Lao Bảo 85 km về phía Đông, cách cảng biển Cửa Việt 16 km về phía Tây. Phạm vi thành phố được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Cam Lộ và Gio Linh.
- Phía Nam giáp huyện Triệu Phong.
- Phía Đông giáp huyện Gio Linh và Triệu Phong.
- Phía Tây giáp huyện Cam Lộ.

Đông Hà nằm ở giao điểm của các tuyến giao thông Bắc Nam gồm có Quốc lộ 1A (nối Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh), đường sắt Bắc Nam và Quốc lộ 9 nằm trong hệ thống đường Xuyên Á đi Lào, Đông Bắc Thái Lan. Thành phố Đông Hà là một trong những điểm khởi đầu ở phía Đông của trục hành lang kinh tế Đông - Tây, nối với nước Lào, Thái Lan và Myanmar... qua cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

- Địa hình: Nhìn chung, thành phố Đông Hà có hai dạng địa hình cơ bản sau:
+ Địa hình gò đồi: Có dạng bát úp ở phía Tây và Tây Nam có diện tích 3.222 ha, chiếm 44,1% diện tích tự nhiên; có độ cao trung bình 10 m so với mực nước biển, nghiêng dần về phía Đông với độ dốc trung bình 5 - 10°, chỗ cao nhất là 42 m ở phường Đông Thanh (Khu phố 11), chỗ thấp nhất là 2,5 m nằm ở khu vực chợ Đông Hà và phía Đông Quốc lộ 1A. Với địa hình này sẽ thích hợp cho việc sản xuất canh tác, trồng cây lâm nghiệp, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế trang trại, sinh thái vườn đồi, vườn rừng. Xen kẽ giữa những gò đồi là những hồ đập có tác dụng điều hoà khí hậu, bảo vệ môi trường, đồng thời tạo ra những cảnh quan tự nhiên, môi trường sinh thái để tạo điều kiện cho việc xây dựng và phát triển các cụm điểm dịch vụ vui chơi, giải trí, tạo ra một cảnh quan đô thị đẹp, đa dạng.

+ Địa hình đồng bằng: Có độ cao trung bình 3 m so với mực nước biển, chiếm 55,9% diện tích tự nhiên. Về thổ nhưỡng, đất ở đây được phủ lên mặt lớp phù sa thuận lợi cho phát triển nông nghiệp (trồng lúa, hoa, rau màu...). Địa hình này tập trung ở Phường 2, Phường 3, Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương. Do địa hình thấp trũng nên thường hay bị ngập lụt về mùa mưa bão; đồng

thời do nằm ở cuối nguồn các công trình thủy lợi nên thường bị hạn hán, thiếu nước về mùa hè, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống.

- Địa mạo: Do hoạt động kiến tạo xảy ra mạnh mẽ, đặc biệt là hoạt động tân kiến tạo, kết hợp với quá trình ngoại sinh đã tạo nên 2 vùng địa mạo cơ bản là vùng bóc mòn và vùng tích tụ.

+ Vùng bóc mòn: phân bố chủ yếu ở phía Tây - Tây Nam Quốc lộ 1A, có độ cao dao động từ 5 m đến xấp xỉ 30 m, là vùng hoàn toàn thoát khỏi tác động của lũ lụt hàng năm, ở đây hoạt động phong hoá xâm thực - bóc mòn là cơ bản, vùng này có nền móng tốt thuận lợi cho xây dựng các công trình, định cư và trồng cây công nghiệp, lâm nghiệp.

+ Vùng tích tụ: có cấu tạo địa hình phức tạp, độ cao biến động từ 0 - 5 m; nhiều nơi bị ngập lũ hàng năm, có nơi sâu đến 2 m (như phường Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương). Đây là vùng trồng lúa nước, nuôi trồng thủy sản. Hàng năm lũ lụt gây ra nhiều thiệt hại cho cư dân và sản xuất nông nghiệp.

1.1.3. Khí hậu

- Thành phố Đông Hà nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nhưng lại chịu ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam và gió mùa Đông Bắc. Khí hậu phân thành hai mùa rõ rệt. Mùa khô từ tháng 3 đến tháng 9, có sự xuất hiện của gió Tây Nam khô nóng làm cho mức nhiệt tăng, độ ẩm giảm thấp. Mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 02 năm sau, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc làm cho nhiệt độ giảm kèm theo mưa bão và lũ lụt.

+ Nhiệt độ: Có nền nhiệt độ tương đối cao, nhiệt độ trung bình năm khoảng 25°C. Nhiệt độ cao nhất có thể lên đến 42°C, thường xảy ra trong tháng 6, tháng 7; nhiệt độ thấp có thể xuống 11°C, thường xảy ra trong khoảng tháng 01, tháng 12. Từ tháng 5 đến tháng 7 khi xuất hiện gió mùa Tây Nam (thường gọi là gió Lào) mang đặc trưng nắng nóng và khô hạn kéo dài, đó cũng là thời gian nóng nhất trong năm.

+ Lượng mưa: Tương đối lớn, bình quân năm 2.454 mm, nhưng phân bố không đều theo các tháng trong năm. Mưa tập trung chủ yếu vào tháng 9, 10, 11 và cao nhất vào tháng 9 nên thường gây ra lũ lụt. Nước lũ tràn về đồng ruộng tạo nên lớp phù sa mới, bồi đắp độ màu mỡ cho sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên đây cũng là nguyên nhân gây ngập úng, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và sản xuất của người dân.

+ Độ ẩm: Độ ẩm trung bình qua các năm từ 83 - 87%, các tháng có độ ẩm cao thường là các tháng mùa mưa. Vào mùa khô độ ẩm thấp hơn nhiều, đặc biệt vào thời kỳ có gió Tây Nam hoạt động, độ ẩm chỉ còn 67 - 68%.

+ Bức xạ mặt trời, số giờ nắng: Tổng bức xạ lớn nhất rơi vào các tháng mùa khô, trung bình hàng năm đạt từ 128 - 133 Kcal/cm². Với số giờ nắng phân hóa không đều trong năm, những tháng mùa hạ thường có số giờ nắng cao gấp 2 đến 3 lần mùa mưa. Thời kỳ nắng nhiều là những tháng mùa khô từ tháng 4 đến tháng 8, số giờ nắng lớn hơn 200 giờ; tháng có giờ nắng cực đại là tháng 7, đạt 239 giờ. Thời kỳ ít nắng là những tháng mùa mưa từ tháng 11 đến tháng 02 năm sau, số giờ nắng dưới 120 giờ.

- Gió: Hằng năm, có hai mùa gió chính là gió mùa đông và gió mùa hạ. Về mùa đông hướng thịnh hành chủ yếu là Đông - Bắc; xen kẽ giữa hai đợt gió mùa Đông Bắc là những ngày gió mùa Đông hoặc Đông Nam. Về mùa hạ, hướng gió thịnh hành là hướng Tây - Nam; gió Đông Nam xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 01 năm sau; gió Tây Nam khô nóng xuất hiện từ hạ tuần tháng 02 và kết thúc vào trung tuần tháng 9, gió Tây Nam thịnh hành từ tháng 5 đến tháng 8.

+ Bão: Mùa bão thường xảy ra từ tháng 9 đến tháng 11. Các cơn bão đổ bộ vào đất liền thường kèm theo mưa to kết hợp nước biển dâng cao và lượng mưa từ trên nguồn đổ xuống gây lũ lụt và ngập úng trên diện rộng làm hư hỏng cơ sở hạ tầng, thiệt hại mùa màng, gây nhiều tổn thất về kinh tế, xã hội và môi trường.

- Nhìn chung, khí hậu của khu vực có nhiều nét biến động mạnh, thể hiện qua sự biến động mùa (mùa đông và mùa hạ, mùa mưa và mùa khô). Diễn biến khí hậu thời tiết của Đông Hà thường gây úng vào đầu vụ đối với vụ đông xuân; hạn đầu vụ, úng cuối vụ đối với vụ hè thu.

1.1.4. Thủy văn

- Chế độ thủy văn chịu ảnh hưởng của hệ thống sông ngòi và thủy triều từ biển vào thông qua cửa biển Cửa Việt. Hệ thống sông ngòi của thành phố gồm 03 sông chính:

+ Sông Hiếu: Bắt nguồn từ sườn Đông dãy Trường Sơn cao trên 1.000 m chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam qua các xã Hướng Sơn, Hướng Hiệp chảy về địa phận huyện Cam Lộ đi về Đông Hà (bắt đầu từ nhà máy xi măng Đông Hà đến ngã ba Gia Độ) và nhập vào sông Thạch Hãn ở ngã ba Gia Độ. Sông Hiếu có chiều dài 70 km, diện tích lưu vực 465 km², đoạn chảy qua thành phố có chiều dài 8 km, với chiều rộng trung bình khoảng 150 - 200 m. Khu vực hạ lưu sông Hiếu chịu sự chi phối của thủy triều từ biển vào nên có chế độ dòng chảy khá phức tạp. Về mùa hạ dòng chảy ở thượng lưu nhỏ (lưu lượng thấp nhất là 2,83 m³/s) nên mặn xâm nhập sâu và biên độ mặn lớn, nhưng về mùa lũ nước thường dâng cao gây ngập lụt.

+ Sông Thạch Hãn: Có chiều dài 155 km, diện tích lưu vực 2.660 km². Nhánh sông chính là Thạch Hãn bắt nguồn từ các dãy núi lớn Động Sa Mui, Động Voi Mẹp (nhánh Rào Quán) và động Ba Lê, động Dang (nhánh Đakrông). Đoạn chảy qua thành phố Đông Hà có chiều dài 5 km, với chiều rộng trung bình khoảng 250 - 400 m.

+ Sông Vĩnh Phước: Bắt nguồn từ vùng đồi cao 300 - 400 m thuộc xã Cam Nghĩa, Cam Chính (huyện Cam Lộ) chảy qua phía Nam thành phố Đông Hà ở phường Đông Lương rồi đổ vào sông Thạch Hãn tại Km5 đường sông, tính từ ngã ba Gia Độ ở xã Triệu Độ (huyện Triệu Phong). Sông có diện tích lưu vực 183 km², chiều dài 45 km, chiều rộng trung bình 50 - 70 m, lưu lượng trung bình 9,56 m³/s. Đây là con sông cung cấp nguồn nước sinh hoạt cho thành phố Đông Hà.

- Ngoài các con sông chính trên địa bàn thành phố Đông Hà còn có các hồ như: hồ Khe Mây, hồ Khe Sắn, hồ Trung Chỉ, hồ Km6, hồ Đại An, hồ Công viên... được phân bố đều khắp trên địa bàn thành phố, góp phần tạo cảnh quan thiên nhiên, điều hòa vi khí hậu, điều tiết lưu vực dòng chảy, phát triển du lịch sinh thái cho thành phố.

1.2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra nông hoá thổ nhưỡng, đất đai của thành phố Đông Hà chủ yếu gồm các loại đất sau: Đất Feralit trên sa phiến, đất phù sa bồi, phù sa không được bồi, đất phù sa Flay.

- Đất phù sa Glây (Pg): Phân bố rải rác ở các khu vực trồng lúa (thuộc các phường Đông Lễ, Đông Lương, Đông Giang, Đông Thanh) có diện tích khoảng 200 ha, là loại đất thích hợp trồng lúa.

- Đất phù sa được bồi hàng năm (Pb): Phân bố tập trung ở các vùng khu vực triền sông Hiếu, sông Vĩnh Phước, diện tích khoảng 500 ha, đây là loại đất thích hợp cho việc trồng cây lương thực, cây ăn quả và cây công nghiệp.

- Đất Feralit nâu vàng phát triển trên phiến sét (Fs): Phân bố tập trung ở khu vực Tây và Tây Nam thành phố. Diện tích đất này chiếm diện tích khoảng 3.500 ha, thích hợp trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả và phát triển đồng cỏ chăn nuôi.

Đặc điểm chung của các loại đất trên là bị chua phèn, độ pH dao động từ 4,5 - 6,5 nên độ phì kém.

1.2.2. Tài nguyên nước

- Nguồn nước mặt: Nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân thành phố Đông Hà khá dồi dào, được cung cấp chủ yếu từ 3 hệ thống sông chính (sông

Hiếu, sông Vĩnh Phước, sông Thạch Hãn) và các khe suối, hồ chứa... phân bố khá đều trên địa bàn thành phố. Ngoài các con sông kể trên Đông Hà còn có một số hồ đập nhân tạo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, cải tạo môi trường và nuôi trồng thủy sản, như:

+ Hồ Trung Chi: Có diện tích lưu vực khoảng 3,2 km² phục vụ tưới cho gần 100 ha lúa của phường Đông Lương.

+ Hồ Khe Mây: Nằm ở phía Tây thành phố có diện tích lưu vực khoảng 6 km² phục vụ nước tưới cho 30 - 35 ha lúa, nuôi trồng thủy sản.

+ Hồ Đại An: Có diện tích lưu vực 4,18 ha là hồ điều hòa cho khu vực Phường 5, gồm các tuyến Hàm Nghi, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Chí Thanh, Tôn Thất Thuyết.

- Nguồn nước ngầm: Theo tài liệu đánh giá của Sở Khoa học và Công nghệ vùng trung tâm thành phố và khu vực đất đồi tầng ngầm nghèo. Nguồn nước ngầm mạch nông tồn tại ở vùng đất trũng thuộc khu vực trầm tích phù sa. Không có nguồn nước ngầm ở mạch nông nhưng có thể khai thác nguồn nước ngầm mạch sâu cách thành phố khoảng 12 km về phía Đông Bắc, trữ lượng nước tương ứng cấp C1 là 19.046m³/ngày, cấp C2 là 98.493m³/ngày, lưu lượng giếng khoan từ 15-19l/s.

1.2.3. Tài nguyên rừng

- Hiện nay, thành phố Đông Hà có khoảng 2.275,99 ha đất lâm nghiệp (chiếm 58,15% tổng diện tích đất nông nghiệp), bao gồm: đất rừng sản xuất khoảng 2.200,07 ha, đất rừng phòng hộ khoảng 75,91 ha. Rừng tự nhiên bị chiến tranh hủy diệt và một phần do con người chặt phá để trồng rừng sản xuất nên diện tích còn không đáng kể. Do đó, cần duy trì ổn định diện tích đất rừng sản xuất, rừng cảnh quan gắn phát triển lâm nghiệp với phát triển du lịch, dịch vụ và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tỷ lệ che phủ năm 2024 là 18,32%, rừng của thành phố tuy giá trị về mặt kinh tế không lớn, song có ý nghĩa quan trọng trong việc điều hoà không khí, bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn, đặc biệt là việc tạo cảnh quan, phát triển các loại hình kinh tế dịch vụ, thương mại, du lịch thăm quan, nghỉ dưỡng sau này trên địa bàn.

1.2.4. Tài nguyên khoáng sản

- Nguồn tài nguyên khoáng sản ở thành phố Đông Hà nghèo, chỉ có nguồn đất sét làm gạch ngói, trữ lượng nhỏ, phân bố rải rác ở các phường Đông Giang, Đông Thanh, Đông Lương và Phường 2. Do đó, khó thực hiện việc khai thác trên diện rộng, quy mô lớn.

- Ngoài ra, qua các đợt thăm dò địa chất trước đây cho biết trên khu vực thành phố Đông Hà có quặng sắt ở đồi Quai Vạc, sắt ở đường 9D (gần trung tâm thành phố), trữ lượng cũng không đáng kể.

1.2.5. Tài nguyên nhân văn

- Thành phố Đông Hà là vùng đất được hình thành từ xa xưa, do những biến động của lịch sử nên Đông Hà có nhiều thế hệ làng, xã ra đời sớm muộn khác nhau. Trước năm 1306, vùng đất phía Nam sông Hiếu là lãnh thổ của Vương quốc Chăm Pa, trong khi đó vào năm 1069, phía Bắc sông Hiếu vẫn là đất của huyện Vĩnh Linh dưới thời Đại Việt. Vào thế kỷ thứ XVIII, Lê Quý Đôn viết Phủ tạp lục, Đông Hà là đất thuộc huyện Đăng Xương, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hoá. Vào thế kỷ thứ XIX, theo Đồng Khánh dư địa chí, Đông Hà là đất của 2 huyện (phía bắc thuộc huyện Thành Hoá, tổng An Lạc; phía Nam sông Hiếu thuộc tổng An Đôn, huyện Đăng Xương). Qua thời gian, các làng, xóm vẫn giữ được hệ thống giếng Chăm và nhiều cổ vật, bằng chứng của sự cư trú của nhiều dân tộc, đây cũng là một đặc điểm trong tổng thể văn hoá Quảng Trị nằm ở dải hội tụ hai phong cách văn hoá Việt và Chăm Pa.

- Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, nhân dân thành phố Đông Hà có truyền thống đấu tranh anh dũng, đóng góp nhiều sức người, sức của trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, có tinh thần đoàn kết, lao động cần cù, sáng tạo. Trong công cuộc xây dựng đất nước, Đảng bộ và nhân dân thành phố tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng cách mạng, tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn, thử thách giành được nhiều thành tích trong mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng, Mặt trận và các đoàn thể.

1.3. Hiện trạng môi trường

1.3.1. Môi trường không khí

Ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn thành phố Đông Hà tập trung chủ yếu, liên tục ở hoạt động giao thông bởi các phương tiện lưu thông phát sinh các chất ô nhiễm như: Bụi, CO₂, SO₂, CO, NO_x, hơi xăng, dầu và độ ồn. Chủ yếu tập trung tại các tuyến đường có nhiều phương tiện lưu thông như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 9, đường Hùng Vương và tại các nút giao thông (ngã ba, ngã tư).

Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích tại 09 vị trí trong 2 đợt gồm: KK1 (ngã 5 - Viễn thông Quảng Trị); KK2 (ngã tư giao giữa đường Hùng Vương và Quốc lộ 9); KK3 (công cụm công nghiệp Đông Lễ); KK4 (bến xe trung tâm thành phố Đông Hà) và KK5 (điểm giao nhau giữa Quốc lộ 9 và Trần Hưng Đạo), KK6 (ngã tư giao nhau giữa đường Lý Thường Kiệt và Hùng Vương), KK7 (ngã tư giao nhau giữa đường Hùng Vương và Điện Biên Phủ), KK8 (ngã ba giao giữa đường

Quốc lộ 1A và Hoàng Diệu), KK9 (Gần khu vực thi công cầu kết nối khu đô thị Bắc sông Hiếu với Trung tâm thành phố Đông Hà) cho thấy: Tất cả các thông số quan trắc chất lượng môi trường không khí đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Cụ thể:

- Độ ồn và độ bụi: Độ ồn và độ bụi tại các vị trí quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 05:2013/BTNMT.

- Các thông số khí độc (SO_2 , NO_2 , CO): Các thông số khí độc tại tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT.

Nhìn chung, chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố Đông Hà chưa bị ô nhiễm bởi bụi, các khí độc và ít có sự biến động đột biến.

1.3.2. Môi trường nước

- Môi trường nước mặt: Kết quả đo đạc, lấy mẫu phân tích tại 11 vị trí quan trắc, gồm: NM1 (hồ Công viên Fidel), NM2 (hồ Lê Duẩn), NM3 (Khe Mụ Lén cách sông Vĩnh Phước khoảng 30m về phía thượng nguồn), NM4 (hồ Km6), NM5 (Khe nước chảy qua lò giết mổ gia súc phường Đông Lương), NM6 (sông Thạch Hãn tại Cầu Đại Lộc), NM7 (Tại sông Thạch Hãn, điểm tiếp nhận nguồn nước thải đổ ra từ khu vực nuôi tôm tập trung phường Đông Lương), NM8 (Tại kênh đập Đại Độ, điểm tiếp nhận nguồn nước thải đổ ra từ khu vực nuôi tôm tập trung phường Đông Giang), NM9 (Hói Chùa, phường Đông Thanh), NM10 (Hói Sòng, phường Đông Giang), NM11 (Nước mặt tại kênh đập chảy qua cầu đường Nguyễn Biểu, phường Đông Lễ) cho thấy: Các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của cột B1 của QCVN 08-MT: 2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B1: dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, giao thông thủy). Riêng thông số TSS tại vị trí NM5, NM10 (đợt 1) vượt quy chuẩn. Cụ thể:

+ Giá trị pH: Giá trị pH có sự biến thiên nhưng tương đối ổn định tại các vị trí.

+ Thông số TSS: Số lượng vị trí quan trắc có thông số TSS vượt quy chuẩn giảm.

+ Thông số DO, BOD_5 : Nồng độ DO và BOD_5 trong tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn và tương đối ổn định.

+ Thông số COD và mật độ Coliform: Nồng độ COD và mật độ Coliform trong tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép cột B1 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

Nhìn chung, chất lượng nước mặt trên địa bàn thành phố Đông Hà chưa bị ô nhiễm (riêng thông số TSS tại một số vị trí vào một số thời điểm quan trắc khá cao) và có xu hướng tốt hơn.

- Môi trường nước dưới đất: Trên địa bàn thành phố Đông Hà có 04 vị trí quan trắc môi trường nước dưới đất, gồm: NN20 (tại KCN Nam Đông Hà); NN31 (tại khu dân cư phía Đông bãi rác Đông Hà); NN36b (tại khu vực Phường 2) và NN58 (tại khu vực nghĩa trang liệt sỹ đường 9). Kết quả quan trắc cho thấy: Phần lớn các thông số phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất, cụ thể:

+ Thông số pH và nồng độ TDS: Giá trị pH và nồng độ TDS tại các vị trí phần lớn đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09-MT:2015/BTNMT. Riêng giá trị pH vị trí NN31 có giá trị nằm ngoài giới hạn cho phép của quy chuẩn.

+ Thông số $\text{NO}_3\text{-N}$ và Fe: Nồng độ $\text{NO}_3\text{-N}$ và Fe trong tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09-MT:2015/BTNMT. Nồng độ $\text{NO}_3\text{-N}$ tại vị trí NN36b, NN58 và nồng độ Fe tại vị trí NN20 có giá trị cao hơn so với các vị trí còn lại.

+ Mật độ Coliform: Mật độ Coliform quan trắc tại các vị trí đều thấp.

Như vậy, chất lượng nước dưới đất trên địa bàn thành phố Đông Hà chưa có dấu hiệu ô nhiễm các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và có xu hướng tốt hơn.

1.3.3. Hiện trạng chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng thu gom chất thải rắn sinh hoạt của thành phố là 34.500 tấn và đã được Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Đông Hà tiến hành thu gom, xử lý. Hiện tại Đông Hà có bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh tại Phường 3, cách trung tâm thành phố 7 km về phía Tây, hình thức xử lý là chôn lấp hợp vệ sinh. Tuy nhiên, hệ thống xử lý nước rỉ rác chưa được đầu tư hoàn chỉnh đã và đang có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường khu vực.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trên địa bàn thành phố Đông Hà khoảng 1.700 tấn/năm, riêng khu công nghiệp Nam Đông Hà và cụm công nghiệp Đông Lễ và cụm công nghiệp Phường 4 phát sinh khoảng 1.620 tấn/năm. Thành phần chất thải rắn chủ yếu là gỗ vụn, gỗ tạp, vãi vụn, mùn cưa, dăm bào, tro, đá vôi, phế liệu từ quá trình gia công sửa chữa cơ khí, vỏ bao xi măng rách, tấm lợp phibrôximăng bị vỡ, bao bì,

hộp giấy hư hỏng, các sản phẩm không đạt chất lượng. Hiện nay, chất thải rắn công nghiệp thông thường chủ yếu do các cơ sở tự thu gom, tái sử dụng hay bán phế liệu, chỉ có 2 đơn vị có hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình và Môi trường Đô thị Đông Hà vận chuyển đi xử lý là Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị và Công ty TNHH MTV dụng cụ du lịch Jinquan Việt Nam.

- Chất thải rắn nguy hại:

+ Đối với hoạt động công nghiệp: Khối lượng phát sinh khoảng 8 tấn/năm. Hiện nay, các cơ sở có lượng phát sinh lớn đã chủ động thu gom, lưu giữ trong khuôn viên và hợp đồng với các đơn vị có năng lực xử lý chất thải công nghiệp nguy hại (Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hà Nội - Chi nhánh Miền Trung; Công ty TNHH Môi trường Phú Hà tại Phú Thọ; Công ty TNHH Môi trường Á Châu tại thành phố Hồ Chí Minh; Công ty Cổ phần Cơ điện Môi trường Lilama Quảng Ngãi) để vận chuyển đi xử lý.

+ Đối với hoạt động y tế: Tổng khối lượng chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh khoảng 50 tấn/năm. Chất thải rắn y tế được thu gom, vận chuyển và xử lý bằng phương pháp đốt hoặc qua hệ thống xử lý chất thải y tế lây nhiễm bằng công nghệ vi sóng: Chất thải rắn y tế của Bệnh viện Đa khoa tỉnh một phần được Công ty Phú Hà - Hà Tĩnh vận chuyển đi xử lý với tần suất là 2 ngày/lần, một phần được xử lý bằng lò vi sóng STERILWAVE 440 với công suất 40 kg/m³ (thời gian xử lý 45 phút/m³) ngay tại Bệnh viện; chất thải rắn y tế của các cơ sở khác cũng được xử lý tại bệnh viện Đa khoa tỉnh. Chất thải rắn y tế của Bệnh xá Công an tỉnh, bệnh viện chuyên khoa Lao và Bệnh phổi Quảng Trị được đốt tại lò đốt của mỗi đơn vị.

+ Chất thải rắn nguy hại trong hoạt động nông nghiệp: Chất thải rắn nông nghiệp nguy hại phát sinh chủ yếu từ trồng trọt bao gồm các loại bao bì thuốc bảo vệ thực vật. Tổng khối lượng bao bì thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trên địa bàn thành phố khoảng 0,6 tấn. Hầu hết các chai lọ, bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được vứt tại đồng ruộng như trên các trục đường nội đồng, các kênh mương nơi pha thuốc, một số khu vực được thu gom vào các bể bê tông. Tuy nhiên, hình thức xử lý chủ yếu là đốt ngay trong bể hoặc khu vực xung quanh. Như vậy, việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp được đầu tư các bể để thu gom các loại bao bì, chai lọ sau sử dụng nhưng chưa có phương án xử lý thích hợp. Về lâu dài, cần có biện pháp xử lý các bao bì, chai lọ này đảm bảo môi trường và đúng quy định.

Tuy nhiên, cùng với sự gia tăng dân số và quá trình đô thị hóa đã ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường sinh thái:

- Thiếu các công trình xử lý nước thải tại khu cụm công nghiệp, nước thải sinh hoạt và hệ thống cống thoát nước chưa đồng bộ.

- Tình trạng ô nhiễm do khói bụi, khí độc và tiếng ồn do các phương tiện giao thông vận tải và các hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chợ ở một số khu vực ngày càng có xu hướng tăng lên.

- Môi trường khu dân cư, môi trường nước đang có hiện tượng bị ô nhiễm do nước thải sinh hoạt, chăn nuôi, rác thải, khí thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp...

- Vấn đề cấp thoát nước, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố là những vấn đề bức xúc ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường cần có những biện pháp cụ thể để xử lý.

1.4. Đánh giá chung

1.4.1. Thuận lợi

- Thành phố Đông Hà là trung tâm chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế thương mại, khoa học kỹ thuật của tỉnh; có vị trí quan trọng nằm ở trung độ giao thông của cả nước.

- Có địa hình đa dạng, kết cấu địa chất ổn định, khí hậu phù hợp phát triển một đô thị hiện đại.

- Các khu điểm dịch vụ vui chơi, du lịch nghỉ dưỡng đã và được tỉnh, thành phố quan tâm quy hoạch, đầu tư phát triển, ngày càng được khai thác có hiệu quả làm thay đổi bộ mặt kinh tế, xã hội của thành phố.

1.4.2. Những khó khăn, hạn chế

- Điều kiện tự nhiên, khí hậu khắc nghiệt, tài nguyên khoáng sản hầu như không có; xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, khó khăn trong việc huy động vốn đầu tư phát triển.

- Địa hình không bằng phẳng, có độ dốc lớn, đất dễ bị thoái hóa rửa trôi, xói mòn (khu vực cao thì khan hiếm nước, khu vực thấp thì dễ bị ngập úng) khó khăn cho canh tác nông nghiệp, đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở.

- Nguồn nước khá phong phú, tuy nhiên chất lượng nước kém (nguồn nước ngầm khó sử dụng, nhiễm phèn; nguồn nước mặt thường bị nhiễm mặn vào mùa khô) làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Năm 2024, thành phố tiếp tục tăng tốc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIII nhiệm

kỳ 2020 - 2025. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư để phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Tích cực huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển, xây kết cấu hạ tầng đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, từng bước trở thành thành phố thông minh. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý nhà nước, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu. Quan tâm phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế ngang tầm với phát triển kinh tế; chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân. Chăm lo các đối tượng chính sách. Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2.2. Phát triển kinh tế - xã hội

- Về nông nghiệp

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm thực hiện 2.162,2 ha, bằng 100,5% so với cùng kỳ năm trước (diện tích lúa 1.863,9 ha; giống lúa chất lượng cao đưa vào sản xuất đạt trên 93% diện tích. Năng suất lúa bình quân năm 2024 ước đạt 56,8 tạ/ha; Sản lượng lúa năm 2024 đạt 10.587,6 tấn, tăng 574,6 tạ so với năm 2023). Diện tích gieo trồng cây thực phẩm, rau màu và hoa các loại thực hiện 298,3 ha, trong đó rau các loại 188,3 ha.

Diện tích nuôi thủy sản ước đạt 114,5 ha (diện tích nuôi tôm nước lợ là 60,3 ha, diện tích nuôi cá khoảng 54,2 ha; sản lượng nuôi tôm nước lợ ước đạt khoảng 200 tấn; sản lượng nuôi cá ước đạt trên 300 tấn); triển khai đầu tư mô hình nuôi tôm công nghệ cao ở phường Đông Lương; tiếp tục nhân rộng các mô hình nuôi ghép tôm - cá diạ; duy trì phát triển mô hình nuôi cá lóc trong bể xi măng, mô hình cá - lúa, cá - sen, cá - vịt đẻ, cá lồng bè. Đã tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi ở các vùng xa khu dân cư và các khu vực được phép chăn nuôi; công tác phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi được chú trọng; đã duy trì phát triển mô hình nuôi lợn quy mô công nghiệp tập trung; nuôi bò, dê; nuôi gà thả vườn với quy mô từ 100 - 300 con/hộ... Công tác tiêm phòng được triển khai khá tốt; công tác kiểm soát, kiểm dịch giết mổ được tăng cường.

Công tác thủy lợi được quan tâm thực hiện, phục vụ kịp thời và nâng cao hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp; công tác phòng chống thiên tai được chú trọng; đã rà soát, bổ sung phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai xảy ra trên địa bàn; chuẩn bị các điều kiện và triển khai phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024.

- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển ổn định, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2024 ước thực hiện 5.503 tỷ đồng, tăng 10,36% so với năm 2023. Các doanh nghiệp đã chủ động trong sản xuất, đẩy mạnh cải tiến công nghệ, máy móc, thiết bị, tìm kiếm mở rộng thị trường để tiêu thụ sản phẩm... Một số ngành sản xuất ổn định và tăng trưởng khá như chế biến thực phẩm, sản xuất giường tủ bàn ghế, mộc mỹ nghệ, gia công đồ sắt, nhôm kính... Tiếp tục triển khai chính sách hỗ trợ khuyến công từ nguồn vốn khuyến công tỉnh và thành phố. Thành phố đã tích cực phối hợp với tỉnh mời gọi các nhà đầu tư thực hiện các dự án tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn; tiếp tục đầu tư hoàn thiện Cụm công nghiệp Quốc lộ 9D (giai đoạn 1) và tổ hợp các làng nghề để tạo thuận lợi trong việc thu hút đầu tư và di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư theo kế hoạch.

- Về thương mại - dịch vụ

Hoạt động thương mại, dịch vụ năm 2024 tiếp tục phát triển và đạt mức tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất ngành dịch vụ năm 2024 đạt 21.475,7 tỷ đồng, tăng 11,8% so với năm 2023. Hàng hoá phong phú, đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá sản phẩm được chú trọng; đã quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia các hội chợ, hội nghị kết nối cung cầu, giới thiệu, quảng bá sản phẩm đặc trưng, sản phẩm OCOP. Giá cả các mặt hàng thiết yếu tương đối ổn định; giá lương thực, thực phẩm, rau, củ, quả tăng nhẹ.

Các loại hình dịch vụ phát triển đa dạng; lãi suất ngân hàng giảm đã tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn để phát triển sản xuất kinh doanh. Dịch vụ viễn thông phát triển đa dạng các loại hình sản phẩm. Hoạt động du lịch, dịch vụ lưu trú, lễ hành phục hồi nhanh; hoạt động vận tải đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hoá trên địa bàn. Công tác quản lý nhà nước về thương mại được tăng cường, đã phối hợp với các ngành tăng cường công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại...

2.3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán

- Quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số: Theo số liệu thống kê, dân số trung bình sơ bộ năm 2024 thành phố Đông Hà 103.240 người, chiếm 15,66% dân số toàn tỉnh, mật độ dân số khoảng 1.412 người/km²; mật độ phân bố cũng không đồng đều, chủ yếu tập trung ở khu vực trung tâm thành phố.

- Trong những năm qua công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã có nhiều chuyển biến tích cực trong chỉ đạo điều hành, truyền thông, cung cấp dịch vụ nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

- Thông qua các kênh giới thiệu việc làm, cho vay vốn theo gói kích cầu của Chính phủ và trên cơ sở kết hợp nhiều nguồn vốn mở rộng sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế, trong năm 2024 tổng số lao động được tạo việc làm mới là 2.102 người, trong đó: Lao động trong tỉnh: 1.582 người; lao động ngoại tỉnh: 445 người; xuất khẩu lao động: 75 người.

2.4. Thực trạng phát triển đô thị

- Hoàn thành Đề án phân loại đô thị thành phố Đông Hà đạt đô thị loại II, trình UBND tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Đông Hà là đô thị loại II, trực thuộc UBND tỉnh Quảng Trị. Ngày 08/8/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 813/QĐ-TTg về việc công nhận thành phố Đông Hà là đô thị loại II, trực thuộc tỉnh Quảng Trị. Chỉ đạo công tác rà soát lại các quy hoạch hợp với điều kiện thực tế, tính khả thi không cao, xem xét để điều chỉnh theo đúng quy định. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 các Phường: 1, 2, 4, 5. Thực hiện cấp phép xây dựng nhà ở, vỉa hè và giấy phép thi công công trình; phối hợp cung cấp thông tin quy hoạch cho các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện thủ tục về đất đai và cung cấp thông tin quy hoạch cho người dân đảm bảo quy định. Chỉ đạo tiếp tục thực hiện Đề án xã hội hóa xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu thành phố Đông Hà giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ đạo tăng cường công tác phối hợp kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng, trật tự đô thị trên địa bàn thành phố. Kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng không phép, sai phép, vi phạm chỉ giới xây dựng, vi phạm quy hoạch, lấn chiếm đất công, vi phạm Quy chế quản lý kiến trúc không gian đô thị... Phối hợp kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình vi phạm hành lang an toàn đường bộ, đường sắt, các trường hợp thi công đường dây truyền tải điện, trạm biến áp, trạm phát sóng BTS.

2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

- Thời gian qua, thành phố đã tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nên bộ mặt đô thị có nhiều khởi sắc. Nhiều công trình, dự án đã được xây dựng hoàn thành góp phần cải thiện hạ tầng đô thị, như dự án cải tạo nâng cấp lưới điện, nhựa hóa các tuyến đường giao thông, cấp nước thoát nước, bu chính viễn thông, vệ sinh môi trường, khu đô thị mới, trụ sở các cơ quan, công viên, thiết chế văn hóa và thể dục thể thao. Hệ thống nhà xưởng sản xuất kinh doanh, khách sạn, nhà hàng, nhà ở của nhân dân được đầu tư nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới. Hiện thành phố đang triển khai các quy hoạch chi tiết như Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 1 và 2; Khu đô thị Nam sông Hiếu; Khu dân cư đường Đặng Dung, Hàn Thuyên, Trung Chi; Khu đô thị thương mại Nam Đông

Hà...Thành phố Đông Hà đã Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, là cơ sở pháp lý hoàn thiện nhất từ ngày thành lập, thuận lợi trong quản lý đầu tư phát triển và quản lý đô thị; ý thức người dân về quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, xây dựng được nâng cao thông qua việc chấp hành các quy định về cấp phép xây dựng.

- Thực hiện Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2045. Đường đô thị gồm 171 tuyến với tổng chiều dài 167,52 km, các tuyến đường chính mặt đường chủ yếu Bê tông nhựa, rộng 10,5 - 20,0 m, hệ thống hệ đường điện chiếu sáng và cây xanh đã được xây dựng tương đối hoàn chỉnh. Ngoài một số đường trong thành phố đã được đầu tư xây mới và nâng cấp như: đường Hùng Vương hiện đã được xây dựng khá hoàn chỉnh theo tiêu chuẩn đường chính đô thị với chiều dài khoảng 5,05 km, mặt đường bê tông nhựa rộng 17m, nền rộng 32 m; đường Điện Biên Phủ (QL9D) dài 6,5 km, mặt đường bê tông nhựa rộng 14 m; đường Lý Thường Kiệt, đường Lê Thánh Tông đã xây dựng hoàn chỉnh hè và mặt đường bê tông nhựa. Trong năm 2024, thành phố Đông Hà tiếp tục hoàn thiện chỉnh trang đô thị, xây dựng và lát vỉa hè 08 tuyến đường Trần Phú, Chu Mạnh Trinh, Lương Khánh Thiện, đường Quốc Lộ 9, Lê Văn Hưu, Hải Thượng Lãn Ông, Phan Đình Phùng và Trần Hưng Đạo. Các đường còn lại trong thành phố phần lớn mặt đường nhựa rộng trung bình 6,0 - 10,5 m, các tuyến trong khu đô thị cũ nhỏ hẹp và ngấn, tuy nhiên hệ thống vỉa hè, điện chiếu sáng và cây xanh tiếp tục hoàn chỉnh và đồng bộ.

- Cấp điện và chiếu sáng công cộng:

+ Thành phố Đông Hà nằm trong hệ thống điện toàn tỉnh Quảng Trị và được cung cấp nguồn từ hệ thống điện miền Trung. Thành phố Đông Hà được cung cấp nguồn năng lượng điện ổn định phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội thông qua trạm biến áp 220KV Đông Hà (220/115KV - 2x125MVA) thuộc lưới điện Quốc gia. Trên địa bàn thành phố có trạm 110KV Đông Hà 110/35/22KV - 2x40MVA, trạm được cấp điện bằng đường dây 110KV lộ kép từ trạm 220KV Đông Hà (125MVA), dây dẫn AC185. Vị trí trạm đặt cạnh khu công nghiệp Nam Đông Hà. Ngoài được cấp điện chính từ trạm 110KV Đông Hà còn lại tất cả các tuyến đường dây 35KV, 22KV sau trạm đã có liên kết mạch vòng kín vận hành hở với các trạm 110KV Quán Ngang, Vĩnh Linh, Diên Sanh, Khe Sanh đảm bảo chế độ N -1 cho thành phố Đông Hà. Độ phủ cấp điện đạt 100%.

- Cấp nước đô thị: Nhà máy nước Tân Lương, thành phố Đông Hà được xây dựng năm 1977, đi vào hoạt động năm 1978 và cải tạo năm 1999 với công suất 15.000 m³/ngày đêm nhằm cấp nước cho khu vực thành phố Đông Hà (gồm

phường Đông Lương, phường 1, 3, 4, 5) và một phần các xã Triệu Độ, Triệu Thuận của huyện Triệu Phong và đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 06/11/2007 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc cho phép khai thác, sử dụng nước mặt. Do nhu cầu sử dụng nước của người dân tăng cao, UBND tỉnh Quảng Trị có văn bản số 4523/UBND-CN ngày 27/9/2021 về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp Nhà máy nước Tân Lương với quy mô công suất từ 15.000 m³/ngày đêm lên 28.500 m³/ngày đêm. Nhà máy đã đi vào hoạt động tháng 6/2023. Chỉ tiêu cấp nước hiện đạt 120 lít/người/ngày đêm. Tỷ lệ dân số khu vực nội thành được cấp nước sạch 100%.

- Hiện nay tỉnh Quảng Trị đang triển khai nhiều dự án cấp nước mới phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của các đô thị chưa có hệ thống cấp nước tập trung như dự án cấp nước thị trấn Cửa Tùng và vùng phụ cận, đặc biệt là dự án cấp nước cho thành phố Đông Hà và 3 huyện vùng phụ cận với công suất giai đoạn I là 30.000 m³/ngày đêm và giai đoạn II là 60.000 m³/ngày đêm.

- Dự án “Nâng cấp mở rộng và chống thất thoát hệ thống cấp nước thị xã Quảng Trị, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị” xác định nguồn nước bổ sung cho các khu chức năng mới của thành phố Đông Hà là nhà máy nước Đông Nam.

- Thoát nước và xử lý nước thải đô thị:

+ Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố hiện nay là hệ thống thoát nước chung cho nước thải và nước mưa tuy nhiên tại các hộ dân cư đều có bể tự hoại từ 2 đến 4 ngăn, nước thải sinh hoạt đều được lọc, lắng sơ bộ trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung. Tại các tuyến cống thoát nước chung đều có nắp đậy, hệ thống ga thu, ga thăm đầy đủ đảm bảo không gây ô nhiễm không khí trong khu dân cư. Tổng chiều dài hệ thống cống thoát nước của thành phố hiện có khoảng 105,035 km, mật độ đường cống thoát nước đạt 4,52 km/km²

+ Hiện thành phố có 01 trạm xử lý nước thải được đặt tại phường 2 có công suất xử lý 5.000 m³/ngày đêm, phục vụ cho lưu vực 1, 2, 4, 5, 6. Còn các lưu vực khác, nước thải được thoát chung với nước mưa và xả ra sông, hồ theo hình thức tự thấm.

- Công viên cây xanh và không gian công cộng: Thành phố luôn chú trọng trong việc đầu tư phát triển các không gian công cộng là nơi sinh hoạt cộng đồng cho người dân, là địa điểm rèn luyện, tập thể dục, thể thao tạo nếp sống lành mạnh trong nhân dân. Đến nay, thành phố có 01 Quảng trường; 02 Công viên chuyên đề; cùng với 15 vườn hoa phân bố đều ở các khu dân cư trên địa bàn thành phố.

- Nghĩa trang, nghĩa địa: Hiện nay, trên toàn thành phố Đông Hà chưa có nhà tang lễ, chưa có cơ sở hỏa táng mà chủ yếu sử dụng hình thức địa táng, cát táng,

về lâu dài, gây ô nhiễm nguồn đất. Kết quả điều tra cho thấy, trên địa bàn thành phố Đông Hà hiện có khoảng 22 khu nghĩa trang tập trung tự phát được hình thành từ sau 1975 đến nay với diện tích khoảng 155,47 ha và 3 nghĩa trang nhân dân là nghĩa trang nhân dân Phường 4; nghĩa trang nhân dân phường Đông Lương với tổng diện tích 64 ha và nghĩa trang Sơn Trang Vĩnh Hằng, với tổng diện tích hơn 33 ha. Ngoài ra, còn rất nhiều khu vực nghĩa trang tự phát, quy mô nhỏ, nằm rải rác trên địa bàn thành phố. Lãng mộ tại các khu vực này được xây dựng hoàn toàn tự phát, không theo quy hoạch, chủ yếu theo phong tục tập quán của địa phương nên gây lãng phí quỹ đất và không đảm bảo các tiêu chí theo QCVN 07: 2010/BXD. Đến nay diện tích nghĩa trang thành phố Đông Hà đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân.

2.6. Đánh giá chung

2.6.1. Thuận lợi

- Cơ chế chính sách đầu tư có nhiều thay đổi theo hướng thông thoáng, cởi mở hơn và được sự quan tâm của trung ương, của tỉnh trong việc thực hiện các công trình đầu tư tại địa phương, đặc biệt là trong các lĩnh vực giao thông, hạ tầng văn hoá phúc lợi công cộng.

- Các lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm đầu tư nhiều, đời sống nhân dân được cải thiện, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, an ninh quốc phòng được giữ vững.

2.6.2. Những khó khăn, hạn chế

- Năng lực tài chính, quy mô sản xuất của phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn, hoạt động, sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn. Nguồn vốn đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp còn hạn chế. Mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ phát triển còn hạn chế.

- Thu hút đầu tư còn gặp nhiều khó khăn, nguồn vốn đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và xây dựng đô thị, tiến độ triển khai một số dự án trên địa bàn còn chậm.

- Tiến độ lập điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 chưa đảm bảo tiến độ; thực hiện đầu tư theo quy hoạch chưa đồng bộ; hệ thống công viên cây xanh, thể thao, du lịch... còn thiếu so với sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và công tác quản lý đô thị còn bộc lộ nhiều bất cập.

2.7. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, nguồn lực của thành phố và tình tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất

2.7.1. Khái quát thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

- Trong điều kiện kinh tế đất nước, toàn tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, đặc biệt do tác động của dịch bệnh Covid-19, song với nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, tình hình kinh tế của thành phố có bước chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng giá trị sản xuất các ngành kinh tế năm 2024 ước đạt 13,47% so với năm 2023 và vượt so với kế hoạch; trong đó cơ cấu ngành dịch vụ tăng 11,8%; công nghiệp - xây dựng tăng 17% và nông nghiệp tăng 5,26%; thương mại dịch vụ khẳng định là lĩnh vực mũi nhọn, công nghiệp là động lực, nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị, sản xuất hàng hóa.

- Hoạt động xúc tiến kêu gọi đầu tư có nhiều chuyển biến tích cực; công tác huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển tăng khá, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn thành phố trong 04 năm (2021-2024) đạt 28.168 tỷ đồng, tăng bình quân 28,8%/năm; đã huy động một số dự án đầu tư có quy mô khá lớn, góp phần thay đổi diện mạo đô thị thành phố. Thu ngân sách trên địa bàn đạt được kết quả tích cực, tổng thu ngân sách trên địa bàn sau khi loại trừ tiền sử dụng đất tăng bình quân giai đoạn 2021-2024 là 12,4%/năm, đặc biệt năm 2022 là năm đầu tiên thành phố đã tự cân đối được chi thường xuyên theo tiêu chí đô thị loại II.

- Công tác quy hoạch, quản lý đô thị và phát triển không gian, kiến trúc cảnh quan được chú trọng triển khai thực hiện; huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, công tác trang trí đường phố kết hợp chỉnh trang đô thị đã được quan tâm thực hiện từ đó làm cho bộ mặt đô thị ngày càng khang trang, sáng - xanh - sạch - đẹp.

2.7.2. Phát triển các ngành lĩnh vực

*** Nông nghiệp**

Thành phố đã ban hành Đề án Phát triển nông nghiệp đô thị trên địa bàn đến năm 2025; tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết theo chuỗi giá trị. Chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng, liên kết doanh nghiệp trong sản xuất - chế biến tiêu thụ nông sản, tăng mạnh giá trị sản phẩm thu hoạch trên một đơn vị diện tích canh tác.

- Nông nghiệp đô thị từng bước phát triển theo hướng bền vững và đạt được kết quả quan trọng. Giá trị tổng sản phẩm ngành nông nghiệp tăng bình quân 4,05%/năm; Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha canh tác năm 2024 ước đạt 110 triệu đồng/ha. Diện tích trồng lúa giảm do đô thị hóa, nhưng cơ cấu giống lúa có nhiều tiến bộ, tập trung đưa giống lúa năng suất cao, chất lượng cao vào sản xuất đạt trên 92% diện tích.

- Thành phố đã đưa ra những chính sách hỗ trợ phát triển mô hình trang trại, gia trại tổng hợp, phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, hỗ trợ mô

hình nuôi lợn rừng sinh sản, nuôi gà thả vườn ở vùng đồi. Thành phố đã tập trung huy động bằng nhiều nguồn vốn của Trung ương, tỉnh để tiến hành nâng cấp, sửa chữa các công trình phục vụ nông nghiệp.

- Tổng diện tích nuôi thủy sản ổn định khoảng 120 ha, trong đó diện tích nuôi tôm nước lợ từ 60 - 62 ha. Đã xây dựng và nhân rộng một số mô hình nuôi cá mới như: Nuôi cá chình trong lồng bè ở hồ Km6, nuôi ghép tôm, cá diêu, cá kình trong ao đất... Bên cạnh đó, thành phố tiếp tục chỉ đạo, khuyến khích các trang trại, gia trại đầu tư chiều sâu, phát triển theo hướng tổng hợp (nuôi cá kết hợp với dịch vụ câu cá, nhà hàng tại chỗ...) để tăng hiệu quả kinh tế.

** Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố tiếp tục phát triển ổn định. Các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố đã dần khắc phục khó khăn và có xu hướng phục hồi, đơn hàng đã bắt đầu tăng. Hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp trên địa bàn được duy trì ổn định. Thành phố tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động các cụm công nghiệp trên địa bàn.

** Thương mại - dịch vụ*

- Công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư công được chú trọng, đảm bảo theo đúng quy định; để cụ thể hóa nhiệm vụ đầu tư hạ tầng đô thị thành phố theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2020-2025, UBND thành phố đã kịp thời rà soát, xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trình HĐND thành phố thông qua tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 làm cơ sở để triển khai đầu tư; qua 4 năm thực hiện đã đạt được những kết quả tích cực, tổng nguồn vốn ngân sách thành phố đã phân bổ theo kế hoạch là 1.083.572 triệu đồng, đạt 71,3% vốn đầu tư công theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025; ước thực hiện giải ngân đến hết năm 2024 đạt 932.044 triệu đồng, đạt 86,02% kế hoạch vốn; việc phân bổ, quản lý, giải ngân và thành quyết toán nguồn vốn đảm bảo theo đúng quy định; góp phần từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng thành phố, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Đặc biệt, đã huy động được một số dự án đầu tư có quy mô khá lớn của các nhà đầu tư có thương hiệu, uy tín trên cả nước, bước đầu đã tạo bước đột phá trong việc thu hút đầu tư như dự án Khu đô thị thương mại dịch vụ Nam Đông Hà của tập Đoàn Vingroup đang xây dựng; Dự án Nhà ở thương mại thuộc dự án Công viên Fidel của Công ty TNHH Hà Phúc Anh Hà Nội cơ bản hoàn thành; Dự án Khu dân cư mới Phường 1 của Tổng công ty Bạch Đằng đã hoàn thành thủ tục đầu tư; và một số dự án khác đang triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư.

** Văn hóa - xã hội*

- Giáo dục và đào tạo: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) và Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Đồ án phát triển giáo dục và đào tạo thành phố giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030. Xây dựng, nâng cấp hoàn thiện các công trình, cơ sở vật chất, kỹ thuật trường học. Chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, rà soát các tiêu chí của trường đạt chuẩn quốc gia đối với các đơn vị theo lộ trình. Đòi hỏi công tác sử dụng đất phải bố trí quỹ đất hợp lý, đáp ứng đúng nhu cầu sử dụng đất của ngành nhằm góp phần vào sự phát triển của thành phố.

- Y tế: Công tác khám chữa bệnh tại tuyến y tế cơ sở được duy trì và đảm bảo quy định. Tiếp tục giám sát, theo dõi diễn biến tình hình dịch sốt xuất huyết, tay chân miệng và các dịch bệnh khác trên địa bàn thành phố. Nhu cầu về lĩnh vực y tế trên địa bàn thành phố Đông Hà nói riêng và của tỉnh Quảng Trị nói chung ngày càng tăng. Việc bố trí quỹ đất để phù hợp với nhu cầu sử dụng của ngành là cần thiết, đồng thời phải đảm bảo việc sử dụng đất hiệu quả và bền vững. Đồng thời phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Các cơ sở y tế trên địa bàn đã được đầu tư nâng cấp về cơ sở vật chất và trang thiết bị, cán bộ được đào tạo nâng cao chuyên môn, mạng lưới y tế tư nhân ngày càng phát triển đã đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân.

2.7.3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán

Trong những năm qua công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đã có nhiều chuyển biến tích cực trong chỉ đạo điều hành, truyền thông, cung cấp dịch vụ nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

Quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số: Theo số liệu thống kê, dân số trung bình năm 2024 thành phố Đông Hà 103.240 người, chiếm 15,66% dân số toàn tỉnh, mật độ dân số khoảng 1.412 người/km²; mật độ phân bố cũng không đồng đều, chủ yếu tập trung ở khu vực trung tâm thành phố. Việc gia tăng dân số trước hết tác động đến nguồn tài nguyên. Dân số tăng nhanh là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến thay đổi cơ cấu các loại đất. Dân số tăng dẫn đến nhu cầu về các ngành, lĩnh vực dịch vụ tăng nhanh. Diện tích đất nông nghiệp giảm do nhu cầu diện tích đất để xây dựng nhà ở, trường học, bệnh viện và các công trình công cộng khác. Từ đó diện tích đất phi nông nghiệp tăng.

2.7.4. Thực trạng phát triển đô thị

- Thành phố được công nhận đô thị loại III tại Quyết định số 2285/QĐ-BXD ngày 13/12/2005 và được Chính phủ ban hành Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/8/2009 thành lập thành phố Đông Hà là thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Trị và Thành phố được công nhận đô thị loại II tại Quyết định số 813/QĐ-TTg ngày 8/8/2024. Tính đến năm 2020, thành phố đã ba lần triển khai lập quy hoạch chung là các năm 1990, 1997 và năm 2006 là “Điều chỉnh quy hoạch chung thị xã Đông Hà tỉnh Quảng Trị đến năm 2020”. Thành phố Đông Hà có tiềm năng về phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp và nông nghiệp ven đô.

- Quy hoạch chi tiết được triển khai hiệu quả, kịp thời và thực sự được chú trọng; quy hoạch chi tiết các khu dân cư, khu chức năng để quản lý với diện tích 1.380 ha. Hệ thống các quy hoạch chi tiết được lập khá nhiều, gắn với các dự án đầu tư xây dựng các khu đô thị, khu vực chức năng đô thị, công viên, quảng trường, các công trình công cộng... Hiện thành phố đang triển khai các quy hoạch chi tiết như Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 1 và 2; Khu đô thị Nam sông Hiếu; Khu dân cư đường Đặng Dung, Hàn Thuyên, Trung Chi; Khu đô thị thương mại Nam Đông Hà...

- Thành phố Đông Hà đã Ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, là cơ sở pháp lý hoàn thiện nhất từ ngày thành lập, thuận lợi trong quản lý đầu tư phát triển và quản lý đô thị; ý thức người dân về quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, xây dựng được nâng cao thông qua việc chấp hành các quy định về cấp phép xây dựng.

- Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2045 được phê duyệt cách thời điểm hiện tại không lâu. Thành phố đã chỉ đạo tiếp tục thực hiện công tác rà soát lại các quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trên địa bàn không còn phù hợp với điều kiện thực tế, tính khả thi không cao để xem xét, điều chỉnh theo đúng quy định. Chỉ đạo đơn đốc các đơn vị tư vấn sớm trình phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 các phường: 3, Đông Lương, Đông Lễ, Đông Thanh, Đông Giang; tập trung lập nhiệm vụ các đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 các Phường: 1, 2, 4, 5. Tổ chức hội nghị công khai lấy ý kiến lập điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 và Quy chế quản lý kiến trúc thành phố Đông Hà tại các Phường: 1, 2, 4. Phối hợp cung cấp thông tin quy hoạch cho các cơ quan, đơn vị liên quan để thực hiện thủ tục về đất đai và cung cấp thông tin quy hoạch cho người dân; thực hiện công tác cấp giấy phép thi công công trình cho các trường hợp đảm bảo theo đúng quy định. Triển khai việc gắn mới và sửa chữa một số bảng tên đường phố bị hư hỏng trên các tuyến phố.

III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

3.1. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất

Theo kết quả rà soát hiện trạng sử dụng đất năm 2024, tổng diện tích đất tự nhiên của thành phố là 7.308,53 ha. Trong đó diện tích đất nông nghiệp là 3.890,72 ha chiếm 53,23% tổng diện tích đất tự nhiên; đất phi nông nghiệp là 3.237,58 ha, chiếm 44,30% tổng diện tích đất tự nhiên; đất chưa sử dụng là 180,22 ha, chiếm 2,47% tổng diện tích đất tự nhiên. Hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất cụ thể như sau:

Bảng 3.1. Kết quả hiện trạng sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.890,72	53,24
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.006,45	25,87
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	996,67	99,03
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	9,78	0,97
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	438,67	11,27
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	18,18	0,47
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	75,91	1,95
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.200,07	56,55
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	129,06	3,32
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	0,62	0,02
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	21,74	0,56
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.237,58	44,30
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	805,27	24,87
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	62,30	1,92
2.4	Đất quốc phòng	CQP	116,10	3,59
2.5	Đất an ninh	CAN	27,01	0,83
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	138,58	4,28
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,30	3,83
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,07	0,05
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	28,59	20,63
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	87,92	63,44
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	16,69	12,05
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	-	-

2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	227,55	7,03
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	98,75	43,40
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	25,01	10,99
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	86,31	37,93
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	17,47	7,68
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	963,57	29,76
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	762,64	79,15
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	87,98	9,13
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,35	0,04
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	27,08	2,81
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	4,67	0,48
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,34	0,14
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	7,44	0,77
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	72,09	7,48
2.9	Đất tôn giáo	TON	14,03	0,43
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	15,97	0,49
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	318,34	9,83
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	548,73	16,95
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	158,24	28,84
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	390,49	71,16
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13	0,0042
3	Đất chưa sử dụng	CSD	180,22	2,47

3.1.1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp là 3.890,72 ha, chiếm 53,24 % diện tích đất tự nhiên, cụ thể:

- Đất trồng lúa có diện tích là 1.006,45 ha, chiếm 25,87 % diện tích đất nông nghiệp; phân bố chủ yếu ở các cánh đồng phía Đông và phía Bắc thành phố, thuộc các phường Đông Giang, Đông Thanh, Đông Lễ, Đông Lương và Phường 2; với diện tích đất lúa này, vừa đảm bảo cung cấp đủ lương thực cho nhu cầu của người dân đô thị, vừa bán ra thị trường bên ngoài.

- Đất trồng cây hàng năm khác có diện tích là 438,67 ha, chiếm 11,27 % diện tích đất nông nghiệp; phân bố chủ yếu ở các phường Đông Giang, Đông Thanh... đây là phần diện tích mang lại hiệu quả kinh tế khá cao, cung cấp sản phẩm rau, hoa và cây thực phẩm cho nhu cầu của người dân thành phố.

- Đất trồng cây lâu năm có diện tích là 18,18 ha, chiếm 0,47 % diện tích đất nông nghiệp; chủ yếu là trồng các loại cây ăn quả như cam, quýt... phân bố chủ yếu ở Phường 3 và phường Đông Lương.

- Đất rừng phòng hộ có diện tích là 75,91 ha, chiếm 1,95 % diện tích đất nông nghiệp; tập trung ở Phường 3.

- Đất rừng sản xuất có diện tích là 2.200,07 ha, chiếm 56,55 % diện tích đất nông nghiệp; được phân bố tập trung ở vùng đồi phía Tây Nam của thành phố, thuộc các Phường 3, Phường 4, phường Đông Lễ và Đông Lương. Diện tích này tuy hiệu quả kinh tế không cao, nhưng có ý nghĩa rất lớn đối với việc bảo vệ môi trường, cảnh quan thành phố.

- Đất nuôi trồng thủy sản có diện tích là 129,06 ha, chiếm 3,32 % diện tích đất nông nghiệp; phân bố chủ yếu ở phường Đông Lễ, Đông Lương, Đông Giang, Đông Thanh và những vùng thấp trũng trên địa bàn thành phố.

- Đất chăn nuôi tập trung có diện tích là 0,62 ha, chiếm 0,02 % diện tích đất nông nghiệp

- Đất nông nghiệp khác có diện tích là 21,74 ha, chiếm 0,56 % diện tích đất nông nghiệp.

3.1.2. Hiện trạng sử dụng đất phi nông nghiệp

Năm 2024, đất phi nông nghiệp trên địa bàn thành phố có diện tích 3.237,58 ha, chiếm 44,30 % diện tích đất tự nhiên, cụ thể:

- Đất ở tại đô thị có diện tích là 805,27 ha, chiếm 24,87 % diện tích đất phi nông nghiệp. Đây là quỹ đất ở được hình thành trong các khu dân cư, các khu đô thị mới.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan có diện tích là 62,30 ha, chiếm 1,92 % diện tích đất phi nông nghiệp. Bao gồm đất trụ sở cơ quan tỉnh, thành phố, các phường, các tổ chức chính trị, xã hội ... Nhìn chung việc quản lý sử dụng đất đảm bảo theo quy định, cơ bản đáp ứng được nhu cầu mục đích sử dụng đất.

- Đất quốc phòng có diện tích là 116,10 ha, chiếm 3,59 % diện tích đất phi nông nghiệp. Đây là diện tích đất của Sư đoàn 968, Lữ đoàn 384, trụ sở doanh trại các cơ quan quân sự tỉnh, quân sự thành phố, bộ đội biên phòng tỉnh...

- Đất an ninh có diện tích là 27,01 ha, chiếm 0,83 % diện tích đất phi nông nghiệp, gồm các trụ sở doanh trại công an tỉnh, thành phố, các phường và các đơn vị thuộc công an tỉnh.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp có diện tích là 138,58 ha, chiếm 4,28 % diện tích đất phi nông nghiệp:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa có diện tích là 5,30 ha, chiếm 3,83 % diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp. Bao gồm các nhà văn hoá tỉnh, thành phố, phường, khu phố....

+ Đất xây dựng cơ sở xã hội có diện tích là 0,07 ha, chiếm 0,05 % diện tích xây dựng công trình sự nghiệp.

+ Đất xây dựng cơ sở y tế có diện tích là 28,59 ha, chiếm 20,63 % diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp. Bao gồm bệnh viện Đa khoa tỉnh, bệnh viện chuyên Lao - Phổi, trung tâm Y tế thành phố, trạm Y tế phường, các cơ sở y tế, phòng khám đa khoa, trạm điều dưỡng...

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo có diện tích là 87,92 ha, chiếm 63,44 % diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp. Bao gồm diện tích của Phân hiệu Đại học Huế, các trường cao đẳng, trường trung cấp nghề, trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở và tiểu học, trường và điểm trường mầm non. Nhìn chung, hệ thống trường lớp trên địa bàn thành phố ngày càng được đầu tư khang trang, hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao có diện tích là 16,69 ha, chiếm 12,05 % diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp. Diện tích này phần lớn được tập trung ở khu vực trung tâm thành phố, gồm nhà thi đấu đa năng tỉnh, sân vận động Đông Hà, các sân thể thao, các trung tâm thể dục, thể thao do nhà nước đầu tư và xã hội hóa.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp có diện tích là 227,55 ha, chiếm 7,03 % diện tích đất phi nông nghiệp:

- Đất khu công nghiệp có diện tích 98,75 ha, chiếm 43,40 % diện tích Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, đây là diện tích đất của khu công nghiệp Nam Đông Hà.

- Đất cụm công nghiệp có diện tích là 25,01 ha, chiếm 10,99 % diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; trên địa bàn thành phố hiện có cụm công nghiệp Đông Lễ, cụm công nghiệp Phường 4 và cụm công nghiệp đường 9D. Nhìn chung, việc quản lý, sử dụng đất tại các cụm công nghiệp hiệu quả khá cao.

- Đất thương mại, dịch vụ có diện tích là 86,31 ha, chiếm 37,93 % diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp. Với các trung tâm thương mại, dịch vụ, siêu thị, nhà hàng, khách sạn. Về cơ bản, việc quản lý, sử dụng đất tương đối hiệu quả, đúng mục đích.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích là 17,47 ha, chiếm 7,68 % diện tích đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp. Đây là đất của các cơ sở sản

xuất, đất làm sân kho, nhà kho, bãi gắn với khu vực sản xuất. Về cơ bản, việc quản lý, sử dụng đất tương đối hiệu quả, đúng mục đích.

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng có diện tích là 963,57 ha, chiếm 29,76 % diện tích đất phi nông nghiệp, trong đó:

+ Đất giao thông có diện tích là 762,64 ha, chiếm tỷ trọng lớn nhất 79,15 % diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng. Bao gồm đường sắt Bắc Nam, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 9, đường 9D và hệ thống giao thông đô thị như đường Hùng Vương, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi... Nhìn chung, hệ thống giao thông trên địa thành phố từng bước được đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới, cơ bản đáp ứng được nhu cầu hiện tại của đô thị tỉnh lỵ. Tuy nhiên, phần lớn đường giao thông có mặt cắt nhỏ, chất lượng mặt đường thấp, vỉa hè, thoát nước và công trình ngầm dưới vỉa hè chưa được đầu tư đồng bộ.

+ Đất thủy lợi có diện tích là 87,98 ha chiếm 9,13 % diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng. Bao gồm các hệ thống kênh mương thuộc hệ thống trạm bơm Lai Phước, hồ Trung Chi, hồ Khe Mây, hồ Km6, đập Lạng Phước...

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên có diện tích là 0,35 ha, chiếm 0,04 % diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng.

+ Đất công trình xử lý chất thải có diện tích là 27,08 ha, chiếm 2,81 % diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng. Đây là quỹ đất xây dựng bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh cho toàn thành phố hiện tại và những năm tiếp theo, thuộc Phường 3, Phường 4.

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng có diện tích là 4,67 ha, chiếm 0,48 % diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng. Đây là đất các công trình trạm biến thế và hệ thống đường dây tải điện...

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin có diện tích là 1,34 ha, chiếm 0,14 % diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng. Đất này bao gồm các hệ thống cột và đường cáp truyền thông tin, các trạm thu phát tín hiệu, các cơ sở giao dịch với khách hàng, các bưu điện, điểm bưu điện văn hóa...

+ Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối có diện tích là 7,44 ha, chiếm 0,77 % diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng. Gồm đất chợ Đông Hà và hệ thống chợ trên địa bàn các phường, đây là nơi giao thương, buôn bán của các Tiểu thương, nhân dân trên địa bàn và khu vực lân cận.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng có diện tích là 72,09 ha, chiếm 7,48 % diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng. Gồm đất công viên Lê Duẩn, công viên Fidel Castro, các vườn hoa, khu vui chơi công cộng trên địa bàn các phường.

- Đất cơ sở tôn giáo có diện tích là 14,03 ha, chiếm 0,43 % diện tích đất phi nông nghiệp, gồm hệ thống các nhà thờ tôn giáo, chùa, Niệm Phật đường... Tuy diện tích không lớn, nhưng mang ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần, tâm linh của nhân dân trên địa bàn.

- Đất tín ngưỡng có diện tích là 15,97 ha, chiếm 0,49 % diện tích đất phi nông nghiệp. Đây là đất các đình làng, miếu mạo, nhà thờ họ... Tuy diện tích không lớn, nhưng mang ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần, tâm linh của nhân dân, cộng đồng dân cư trên địa bàn.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa có diện tích là 318,34 ha, chiếm 9,83 % diện tích đất phi nông nghiệp. Đây là các khu nghĩa trang liệt sỹ, nghĩa trang nhân dân như: nghĩa trang Liệt sỹ Quốc gia đường 9; nghĩa trang Liệt sỹ các phường, nghĩa trang nhân dân Phường 4, nghĩa trang nhân dân phường Đông Lương, Sơn trang Vĩnh Hằng, các nghĩa địa.

- Đất có mặt nước chuyên dùng có diện tích là 548,73 ha, chiếm 16,95 % diện tích đất phi nông nghiệp, bao gồm hồ Nam Hào, hồ Đại An, hồ khe Mây, hồ Km6....

+ Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá có diện tích là 158,24 ha, chiếm 28,84 % diện tích đất có mặt nước chuyên dùng, bao gồm hồ Nam Hào, hồ Đại An, hồ khe Mây, hồ Km6....

+ Đất sông ngòi có diện tích là 390,49 ha, chiếm 71,16 % diện tích đất có mặt nước chuyên dùng, gồm hệ thống sông như sông Hiếu, sông Thạch Hãn, sông Vĩnh Phước và các sông, hói nội đồng, đây là nguồn nước cung cấp nước sinh hoạt, phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

- Đất phi nông nghiệp khác có diện tích là 0,13 ha, chiếm 0,0042 % diện tích đất phi nông nghiệp.

3.1.3. Hiện trạng sử dụng đất chưa sử dụng

- Diện tích đất chưa sử dụng của thành phố năm 2024 là 180,22 ha, chiếm 2,47 % diện tích tự nhiên, được phân bố khắp trên địa bàn thành phố, tập trung nhiều về phía Tây, Tây Nam thành phố (phường Đông Lương, phường Đông Lễ và Phường 3).

3.2. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

3.2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp

Trong năm kế hoạch 2024, thành phố Đông Hà đã áp dụng các giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất của thành phố Đông Hà năm 2024 và đã đạt được một số nhiệm vụ đề ra.

- Quỹ đất được sử dụng và khai thác hiệu quả, hợp lý và an toàn đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố. Việc khai thác, sử dụng đất luôn gắn liền với các biện pháp và cải tạo đất.

- Đông Hà đã triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp. Nhất là thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công tác quán triệt, triển khai các quy định pháp luật liên quan đến công tác quản lý đất đai cho đội ngũ cán bộ từ thành phố đến cơ sở.

- Tổ chức tuyên truyền thường xuyên Luật Đất đai trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức công khai kịp thời quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để người dân biết, chấp hành, tham gia ý kiến.

3.2.2. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất của thành phố Đông Hà đến hết năm 2024 được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 3.2. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch được duyệt			Kết quả thực hiện				Diện tích kế hoạch chưa thực hiện (ha)		
			Diện tích hiện trạng 2023 (ha)	Diện tích kế hoạch được duyệt 2024 (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Diện tích hiện trạng 2023 (ha)	Diện tích hiện trạng 2024 (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)	Tổng số Tăng (+), giảm (-)	Trong đó:	
											Diện tích chuyển kỳ sau	Diện tích hủy bỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)=(8)-(7)	(10)=(9)/(6)*100	(11)=(6)-(9)	(12)	(13)=(11)-(12)
I	Tổng diện tích tự nhiên		7.308,53	7.308,53	0,00	7.308,53	7.308,53	0,00	100,00	0,00		
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.914,29	3.710,62	-203,67	3.923,65	3.890,72	-32,93	16,17	-170,74	165,29	5,45
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1042,34	957,55	-84,79	1.031,80	1.006,45	-25,35	29,89	-59,44	55,64	3,80
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	1032,56	952,87	-79,69	1.022,02	996,67	-25,35	31,80	-54,34	50,54	3,80
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	9,78	4,68	-5,10	9,78	9,78	0,00	0,00	-5,10	5,10	-
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	438,38	409,96	-28,42	442,18	438,67	-3,51	12,35	-24,91	24,09	0,82
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	13,01	6,03	-6,98	18,20	18,18	-0,02	0,29	-6,96	6,96	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	75,91	75,91	0,00	75,91	75,91	0,00	0,00	0,00	0,00	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.203,23	2.120,19	-83,04	2.204,03	2.200,07	-3,95	4,76	-79,09	78,26	0,83
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>									0,00	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	119,05	106,91	-12,14	129,16	129,06	-0,10	0,83	-12,04	12,04	-
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	0,62	0,62	0,00	0,62	0,62	0,00	0,00	0,00	0,00	-
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	21,74	33,44	11,70	21,74	21,74	0,00	0,00	11,70	11,70	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.125,08	3.359,34	234,26	3.203,16	3.237,58	34,43	14,70	199,83	193,75	6,08
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	767,66	817,29	49,62	799,93	805,27	5,34	10,76	44,28	44,27	0,01

2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	58,30	58,91	0,61	62,30	62,30	0,00	0,00	0,61	0,61	-
2.4	Đất quốc phòng	CQP	116,10	115,17	-0,93	116,11	116,10	-0,003	0,30	-0,93	0,93	-
2.5	Đất an ninh	CAN	27,01	27,01	0,00	27,01	27,01	0,00	0,00	0,00	0,00	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	135,55	142,27	6,72	138,61	138,58	-0,03	0,50	6,69	1,69	5,00
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,02	4,10	0,08	5,33	5,30	-0,02	27,41	0,06	-0,02	0,08
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,07	0,07	0,00	0,07	0,07	0,00	0,00	0,00	0,00	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	29,59	34,51	4,92	28,59	28,59	-0,00035	0,01	4,92	0,00	4,92
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	85,91	87,63	1,72	87,93	87,92	-0,01	0,66	1,71	1,71	-
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	15,96	15,96	0,00	16,69	16,69	0,00	0,00	0,00	0,00	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	228,90	240,13	11,23	221,07	227,55	6,48	57,69	4,75	3,92	0,83
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	98,75	98,75	0,00	99,34	98,75	-0,59	0,00	0,59	0,00	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	25,01	25,84	0,83	17,94	25,01	7,07	851,81	-6,24	0,00	0,83
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	89,82	100,24	10,41	86,31	86,31	0,00	0,00	10,41	10,41	-
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	15,31	15,30	-0,01	17,47	17,47	0,00	0,00	-0,01	0,01	-
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	907,55	1.102,90	195,35	938,46	963,57	25,11	12,85	170,24	170,00	0,24
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	704,89	813,63	108,74	738,26	762,64	24,38	22,42	84,36	84,22	0,14
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	97,22	144,04	46,82	87,46	87,98	0,51	1,10	46,31	46,21	0,10
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,35	0,35	0,00	0,35	0,35	0,00	0,00	0,00	0,00	-

2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	27,08	27,08	0,00	27,08	27,08	0,00	0,00	0,00	0,00	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	4,67	4,98	0,31	4,67	4,67	0,00	0,00	0,31	0,31	-
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,30	1,30	0,00	1,34	1,34	0,00		0,00	0,00	-
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	7,42	9,67	2,25	7,44	7,44	0,00	0,00	2,25	2,25	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	64,63	101,86	37,23	71,87	72,09	0,22	0,59	37,01	37,01	-
2.9	Đất tôn giáo	TON	14,03	14,03	0,00	14,03	14,03	0,00	0,00	0,00	0,00	-
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	15,83	15,75	-0,08	16,00	15,97	-0,03	34,37	-0,05	0,05	-
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	315,64	311,99	-3,65	320,29	318,34	-1,94	53,26	-1,71	1,71	-
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	538,38	513,76	-24,62	549,22	548,73	-0,49	3,57	-24,13	24,13	-
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	157,26	147,86	-9,40	158,33	158,24	-0,08	0,89	-9,32	9,32	-
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	381,12	365,90	-15,22	390,90	390,49	-0,41	2,69	-14,81	14,81	-
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13	0,13	0,00	0,13	0,13	0,00	0,00	0,00	0,00	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	269,15	238,57	-30,59	181,72	180,22	-1,50	4,91	-29,08	28,95	0,13

- Đất nông nghiệp

Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 3.710,62 ha, giảm 203,67 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 32,93 ha, đạt 16,17 % so với kế hoạch. Trong đó:

+ Đất trồng lúa: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 957,55 ha, giảm 84,79 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 25,35 ha, đạt 29,89 % so với kế hoạch.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 409,96 ha, giảm 28,42 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 3,51 ha, đạt 12,35 % so với kế hoạch.

+ Đất trồng cây lâu năm: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 6,03 ha, giảm 6,98 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 0,02 ha, đạt 0,29 % so với kế hoạch.

+ Đất rừng phòng hộ: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 75,91 ha, không thay đổi.

+ Đất rừng sản xuất: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 2.120,19 ha, giảm 83,04 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 3,95 ha, đạt 4,76 % so với kế hoạch.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 106,91 ha, giảm 12,14 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 0,1 ha, đạt 0,83 % so với kế hoạch.

+ Đất chăn nuôi tập trung: Diện tích là 0,62 ha theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 13/7/2015 của UBND thành phố Đông Hà, Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND thành phố Đông Hà.

+ Đất nông nghiệp khác: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 33,44 ha, tăng 11,70 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 0,00 ha, chưa đạt so với kế hoạch.

Một số chỉ tiêu đất nông nghiệp đạt tỷ lệ còn thấp, do trong năm 2024 đất nông nghiệp theo chỉ tiêu giảm 203,67 ha. Tuy nhiên, trong năm 2024 chỉ thực hiện được 32,93 ha, diện tích chưa thực hiện là 170,74 ha (trong đó: diện tích hủy bỏ là 5,45 ha, diện tích chuyển kỳ sau là 165,29 ha) do đó chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

- Đất phi nông nghiệp

Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 3.359,34 ha, tăng 234,26 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 34,43 ha, đạt 14,70 % so với kế hoạch. Trong đó:

+ Đất ở tại đô thị: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 817,29 ha, tăng 49,62 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 5,34 ha, đạt 10,76 % so với kế hoạch.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 58,91 ha, tăng 0,61 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 0,00 ha, chưa đạt so với kế hoạch.

+ Đất quốc phòng: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 115,17 ha, giảm 0,93 so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 0,003 ha, đạt 0,3 % so với kế hoạch.

+ Đất an ninh: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 27,01 ha, so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt không có sự biến động, diện tích năm 2024 là 27,01 ha.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Trong đó:

* Đất xây dựng cơ sở văn hóa: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 4,10 ha, tăng 0,08 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 0,02 ha, đạt 27,41 % so với kế hoạch.

* Đất xây dựng cơ sở xã hội. Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 0,07 ha, không có sự biến động, diện tích năm 2024 là 0,07 ha.

* Đất xây dựng cơ sở y tế: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 34,51 ha, tăng 4,92 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 0,00035 ha, đạt 0,01% so với kế hoạch.

* Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 87,63 ha, tăng 1,72 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 0,01 ha, đạt 0,66 % so với kế hoạch.

* Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 15,96 ha, không có sự biến động.

* Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 17,87 ha, không có sự biến động.

+ Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp. Trong đó:

* Đất khu công nghiệp: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 98,75 ha, so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt không có sự biến động, diện tích hiện trạng đất khu công nghiệp năm 2024 là 98,75 ha, giảm 0,59 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 do cập nhật lại hiện trạng đất hạ tầng kỹ thuật (hệ thống giao thông, xử lý nước thải...) trong khu công nghiệp sang đất khu công nghiệp.

* Đất cụm công nghiệp: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 25,84 ha, tăng 0,83 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, diện tích hiện trạng đất cụm công nghiệp năm 2024 là 25,01 ha, tăng 7,07 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 do cập nhật lại hiện trạng đất hạ tầng kỹ thuật: hệ thống giao thông, xử lý nước nước thải...) trong cụm công nghiệp sang đất cụm công nghiệp.

* Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 100,24 ha, tăng 10,41 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 0,00 ha, chưa đạt so với kế hoạch.

* Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 15,30 ha, giảm 0,01 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt kết quả thực hiện năm 2024 là 0,00 ha, chưa đạt so với kế hoạch.

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 1.102,90 ha, tăng 195,35 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 25,11 ha, đạt 12,85 % so với kế hoạch.

+ Đất tôn giáo: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 14,03 ha, so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt không có sự biến động, diện tích năm 2024 là 14,03 ha.

+ Đất tín ngưỡng: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 15,75 ha, giảm 0,08 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 0,03 ha, đạt 34,37 % so với kế hoạch.

+ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 311,99 ha, giảm 3,65 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 1,94 ha, đạt 53,26 % so với kế hoạch.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 513,76 ha, giảm 24,62 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, kết quả thực hiện năm 2024 là 0,49 ha, đạt 3,57 % so với kế hoạch.

+ Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 0,13 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, không có sự biến động.

Một số chỉ tiêu đất phi nông nghiệp đạt tỷ lệ thấp, do kế hoạch năm 2024 đất phi nông nghiệp chỉ tiêu tăng 234,26 ha. Tuy nhiên, trong năm 2024 chỉ thực hiện được 34,43 ha, chỉ tiêu còn lại chưa thực hiện là 199,83 ha (trong đó: diện tích hủy bỏ là 6,08 ha, diện tích chuyển kỳ sau là 193,75 ha) do một số công trình trọng điểm của tỉnh, của thành phố và công trình trình thu hút đầu tư đưa vào kế hoạch trong năm 2024 nhưng chưa thực hiện hoặc mới thực hiện một phần, cụ thể: Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây - giai đoạn 1; Khu đô thị

sinh thái Nam Đông Hà; Đường hai đầu cầu dây văng sông Hiếu giai đoạn 1; Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2...

- Đất chưa sử dụng

+ Diện tích kế hoạch được duyệt năm 2024 là 238,57 ha, giảm 30,59 ha so với diện tích hiện trạng năm 2023 được duyệt, tuy nhiên theo số liệu thống kê 2023 thì kết quả thực hiện năm 2024 là 1,5 ha, đạt 4,91 % so với kế hoạch.

+ Tiếp tục kiểm tra, rà soát các thửa đất chưa sử dụng đã được đo đạc, cắm mốc ranh giới để đề xuất phương án quản lý khai thác có hiệu quả quỹ đất chưa sử dụng xen kẽ trong khu dân cư. Tăng cường công tác quản lý đất chưa sử dụng và đất công ích (5%) trên địa bàn; nghiên cứu đề xuất phương án nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất nông nghiệp chưa giao và đất công ích trên địa bàn thành phố. Đây là một trong những nội dung quan trọng, nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố, tránh tình trạng người dân lấn chiếm, sử dụng quỹ đất này không đúng quy định của pháp luật.

3.2.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân

Theo chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã được phân bổ từ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thành phố Đông Hà được duyệt tại Quyết định số 3287/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 là 40,18 ha. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đến năm 2024 là 4,48 ha (trong đó: năm 2021 là 2,04 ha, năm 2022 là 1,17 ha, năm 2023 là 0,55 ha, năm 2024 là 0,72 ha), diện tích còn lại chưa thực hiện chuyển mục đích là 35,70 ha.

Bảng 3.3. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân

TT	Tên đơn vị hành chính	Chỉ tiêu QHSD đất đến năm 2030 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện (ha)				Chỉ tiêu chưa thực hiện (ha)
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	
1	Phường 1	2,7	0,05	0,12	0,07	0,11	2,35
2	Phường 2	3,82	0,07	0,15	0,04	0,01	3,55
3	Phường 3	4,0	0,04	0,10	0,01	0,08	3,77
4	Phường 4	3,32	0,04	0,07	0,00	0,04	3,17
5	Phường 5	4,0	0,40	0,15	0,15	0,15	3,15
6	Phường Đông Thanh	4,5	0,12	0,04	0,06	0,02	4,26
7	Phường Đông Giang	8,0	0,26	0,14	0,03	0,04	7,53
8	Phường Đông Lễ	3,33	0,18	0,11	0,10	0,04	2,9
9	Phường Đông Lương	6,51	0,88	0,29	0,09	0,23	5,02
	Cộng	40,18	2,04	1,17	0,55	0,72	35,70

3.2.4. Kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Đông Hà được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 30/1/2023, với 156 công trình, dự án; phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 03/4/2024, với 01 công trình, dự án; phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 2434/QĐ-UBND ngày 08/10/2024, với 01 công trình, dự án; Quyết định số 2739/QĐ-UBND tỉnh ngày 15/11/2024, với 1 công trình, dự án. Như vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Đông Hà có 159 danh mục dự án được phê duyệt. Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong năm 2024 như sau:

- Tổng số dự án đưa ra khỏi kế hoạch là 26 dự án, trong đó:
 - + 19 dự án đã hoàn thành;
 - + 06 dự án chủ đầu tư không đăng ký chuyển tiếp vào kế hoạch sử dụng đất năm 2025;

- + 01 dự án chấm dứt hoạt động dự án;

(Chi tiết công trình, dự án có Phụ biểu 01 kèm theo)

- Tổng số công trình, dự án chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025 là 133 dự án, trong đó:

- + 45 dự án thu hồi đất: trong đó, 30 dự án đang thực hiện, 15 dự án chưa thực hiện (*Trong đó: có 2 dự án đang thực hiện gộp thành 1 dự án: Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, khu CN Nam Đông Hà, mức độ triển khai thực hiện dự án chi tiết có Phụ biểu 02 kèm theo Báo cáo thuyết minh*);

- + 88 dự án giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất.

(Chi tiết công trình, dự án có Phụ biểu 03 kèm theo)

3.3. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất

Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, kế hoạch sử dụng đất đã có những tác động tích cực như sau:

- Đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp. Quản lý, khai thác có hiệu quả quỹ đất tại các khu cụm công nghiệp; ưu tiên các ngành công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin, công nghiệp chế biến... ứng dụng công nghệ “cao, mới, sạch, tiết kiệm”. Phối hợp xây dựng, quảng bá danh mục dự án thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp; đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn.

- Sử dụng đất nông nghiệp cần ưu tiên phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo môi trường sinh thái và an toàn thực phẩm, nông nghiệp sinh thái kết hợp dịch vụ, du lịch, hoạt động trải nghiệm; xây dựng Đông Hà trở thành trung tâm triển lãm, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của tỉnh, phát triển các chuỗi liên kết giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

- Việc chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố đã theo sát và về cơ bản đạt được các chỉ tiêu do tỉnh phê duyệt. Quá trình sử dụng đất dựa trên những quan điểm khai thác, sử dụng hợp lý, có hiệu quả, tiết kiệm quỹ đất và bảo vệ chống thoái hoá đất, đáp ứng được các yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2025.

- Công tác quản lý đất đai theo kế hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực vào việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả.

- Nhận thức về vị trí, vai trò của công tác lập kế hoạch sử dụng đất và ý thức chấp hành kế hoạch sử dụng đất của các cấp chính quyền đã được nâng lên, việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện phù hợp với kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

- Thông qua kế hoạch sử dụng đất đã phát huy tính dân chủ, công khai, giảm được tiêu cực trong công tác quản lý đất đai. Công tác lập kế hoạch sử dụng đất trở thành một trong những công cụ quan trọng của các cấp chính quyền để quản lý, sử dụng và chỉ đạo khai thác đất đai có hiệu quả hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3.4. Đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

3.4.1. Đánh giá những mặt được trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Trong những năm qua tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố có sự chuyển biến rõ rệt. Được sự quan tâm của Trung ương, Tỉnh và tổ chức quốc tế đã có những chính sách ưu đãi và sự huy động tập trung mọi nguồn lực. Các chính sách kinh tế năng động thông thoáng đã góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của thành phố ngày càng đi lên. Thực hiện Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 30/1/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị, căn cứ kết quả thực hiện trong năm 2024, đánh giá những mặt đạt được trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Đông Hà, cụ thể như sau:

- Việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2021 – 2025, đạt được các chỉ tiêu cơ bản theo kế hoạch đã đăng ký.

- Một số công trình hoàn thành công tác thu hồi, giải phóng mặt bằng theo chỉ tiêu đề ra như công trình mở rộng nghĩa trang nhân dân thành phố tại Phường 4 (giai đoạn 1); Xây dựng CSHT KDC khu phố Tây Trì, Phường 1; Trung tâm hành chính thành phố Đông Hà...

- Việc giao đất trên địa bàn thành phố chủ yếu phục vụ cho mục tiêu phát triển hạ tầng như giao thông, thủy lợi và các công trình phúc lợi xã hội khác. Việc cho thuê đất chủ yếu thực hiện các dự án sản xuất vật liệu xây dựng, mở rộng sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ đã được cấp phép đầu tư, chủ trương đầu tư từ thời điểm trước, đến nay mới có nguồn tài chính để giải phóng mặt bằng, triển khai đầu tư dự án. Các dự án thương mại dịch vụ phát triển kinh tế đã được thực hiện chủ yếu thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.... Đồng thời, chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính và đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo các quy định của pháp luật.

- Công tác quản lý đất đai theo kế hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực vào việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả.

- Thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội, đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, xây dựng khu đô thị mới, mở rộng không gian đô thị, về cơ bản đáp ứng các chỉ tiêu cụ thể giúp thành phố Đông Hà đạt đô thị loại II theo Quyết định số 813/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/08/2024.

3.4.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 còn có những hạn chế nhất định, chưa dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho các mục đích sử dụng, nhất là đất cho các công trình dự án phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, dự án đầu tư phát triển các khu đô thị mới, dự án giao thông có vốn đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất (như dự án: Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; Dự án GPMB để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Q lộ 9 đoạn từ cảng Cửa Việt đến Q lộ 1, ...).

- Kế hoạch sử dụng đất được lập cho một năm nên chỉ phản ánh được nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch mà không đảm bảo được tính khả thi của các dự án đăng ký thực hiện do không thể chủ động nắm bắt

được khả năng về vốn của chủ đầu tư, đặc biệt là những dự án có nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách, dẫn đến tính khả thi chưa cao. Nhiều công trình, dự án đăng ký thực hiện nhưng do không có vốn hoặc chậm làm thủ tục nên chưa triển khai thực hiện được theo kế hoạch sử dụng đất đã duyệt.

- Chính sách đầu tư, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vẫn còn những tồn tại nhất định, dẫn tới thời gian triển khai các dự án phải kéo dài.

- Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội những năm qua gặp nhiều khó khăn đã tác động lớn đến việc thực hiện kế hoạch và thu hút đầu tư trên địa bàn.

3.4.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- Thiếu các giải pháp đồng bộ khả thi để thực hiện kế hoạch sử dụng đất được duyệt, đặc biệt là do không cân đối đủ nguồn vốn bố trí cho các công trình dự án thực hiện trong năm kế hoạch và công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất gặp nhiều khó khăn, tiến độ triển khai chậm.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các cơ quan, đơn vị nhiều trường hợp còn chủ quan, không tiên lượng được khả năng đảm bảo nguồn vốn cho công trình dự án, nên nhiều công trình dự án đã có trong danh mục kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt nhưng không có khả năng thực hiện.

- Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất, do đó phải lùi tiến độ thực hiện.

3.4.4. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất kỳ tới

Qua phân tích, đánh giá những mặt được, tồn tại và nguyên nhân trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024, thành phố Đông Hà đúc rút ra bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất cho kỳ tới, cụ thể như sau:

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm là việc cụ thể hóa phương án quy hoạch sử dụng đất cùng cấp; là bước chuyển tải trung gian các nội dung quy hoạch sử dụng đất vào thực tế quản lý, sử dụng đất đáp ứng nhu cầu về kinh tế - xã hội. Bên cạnh những đóng góp to lớn cho phát triển kinh tế - xã hội nói chung, quản lý, sử dụng đất nói riêng thì quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất qua các thời kỳ phát triển của Luật Đất đai ở nước ta cũng còn những mặt hạn chế nhất định, còn những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, góp phần nâng cao hiệu quả và tính khả thi của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; trong đó, một trong những bài học kinh nghiệm quan trọng là sửa đổi và hoàn thiện các quy định

có liên quan đến công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Luật đất đai mới 2024.

- Theo Điều 60 và Điều 67 của Luật đất đai 2024 về nguyên tắc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và căn cứ lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện cần có sự liên hệ chặt chẽ với Luật Quy hoạch, phải tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực có sử dụng đất. Kế hoạch sử dụng đất phải căn cứ Quy hoạch, kế hoạch từ Trung ương đến địa phương đảm bảo thống nhất, đồng bộ.

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, kế hoạch sử dụng đất đã có những tác động tích cực tuy nhiên đạt hiệu quả chưa cao. Do vậy, công tác lập kế hoạch sử dụng đất trong kỳ tới cần căn cứ cụ thể hơn nhu cầu, khả năng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực của các cấp, của các tổ chức; các công trình, dự án đã có chủ trương đầu tư và tính khả thi của việc thực hiện các dự án.

- Căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh để cụ thể hóa diện tích các loại đất đã được phân bổ trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và diện tích các loại đất theo nhu cầu sử dụng đất của cấp huyện, cấp xã trong năm kế hoạch tiếp theo và được xác định đến từng đơn vị hành chính cấp xã đảm bảo cân đối và phù hợp.

- Cần có giải pháp rà soát cụ thể hơn với các cơ quan, ban ngành về danh mục các công trình, dự án dự kiến thực hiện trong năm; dự án bố trí đất ở; diện tích đất để đấu giá quyền sử dụng đất, các dự án thu hồi đất trong năm, dự án tái định cư, đất sản xuất dự kiến bồi thường cho người có đất thu hồi để làm căn cứ thực hiện kế hoạch sử dụng đất trong năm tiếp theo đảm bảo đầy đủ, chính xác.

3.4.5. Giải pháp khắc phục

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường đến từng người dân trên địa bàn thành phố.

- Phối hợp với nhân dân phát hiện và ngăn chặn kịp thời các công trình đầu tư xây dựng không phù hợp quy hoạch để đảm bảo quản lý đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tiếp tục cụ thể hóa các điều khoản của Luật Đất đai, các văn bản của Trung ương, của tỉnh phục vụ cho quá trình quản lý và sử dụng đất.

- Xây dựng và triển khai chương trình về đào tạo nghề cho những người thuộc diện thu hồi đất để phát triển kinh tế, xã hội. Đây là giải pháp có tính cấp bách cần được triển khai thống nhất từ thành phố đến các phường để tránh trường hợp người dân sau khi nhận tiền đền bù đất phải lâm vào tình trạng thất nghiệp và không có thu nhập, từ đó phát sinh nhiều tệ nạn xã hội.

- Huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tạo môi trường thuận lợi, chính sách đầu tư thông thoáng nhằm khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào địa phương thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, cấp phép đầu tư. Đẩy mạnh việc huy động vốn trong nhân dân bằng các phương thức tín dụng tài chính và phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

- Khuyến khích doanh nghiệp vào đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thành phố.

IV. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố Đông Hà đến năm 2030 theo Quyết định số: 3287/QĐ - UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị; Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2045 theo Quyết định số: 1234/QĐ UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị; Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 của phường Đông Giang (Quyết định số: 411/QĐ - UBND ngày 11/3/2024), phường Đông Thanh (Quyết định số: 510/QĐ - UBND ngày 11/3/2024), phường Đông Lương (Quyết định số: 518/QĐ - UBND ngày 13/3/2024), phường Đông Lễ (Quyết định số: 1493/QĐ - UBND ngày 20/5/2024), phường 3 (Quyết định số: 2049/QĐ - UBND ngày 16/7/2024) và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố 05 năm 2021 - 2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố năm 2025 và tiềm năng đất đai hiện có, chỉ tiêu sử dụng đất thành phố Đông Hà năm 2025 như sau:

Bảng 4.1. Chỉ tiêu các loại đất thành phố Đông Hà năm 2025

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích cuối kỳ năm 2025	Cơ cấu %
	Tổng diện tích tự nhiên		7.308,53	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.696,12	50,57
1.1	Đất trồng lúa	LUA	942,26	12,89
1.1.2	Đất chuyên trồng lúa	LUC	937,61	12,83
1.1.3	Đất trồng lúa còn lại	LUK	4,65	0,06
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	417,63	5,71
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10,43	0,14
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	75,91	1,04

1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.094,99	28,67
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	120,83	1,65
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	0,62	0,01
1.9	Đất làm muối	LMU	-	-
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH	33,44	0,46
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.460,27	47,35
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	852,99	11,67
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	63,84	0,87
2.4	Đất quốc phòng	CQP	115,17	1,58
2.5	Đất an ninh	CAN	27,01	0,37
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	143,80	1,97
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,30	0,07
-	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,07	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	28,59	0,39
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	93,13	1,27
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	16,69	0,23
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	0,02	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
-	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	-	-
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	266,87	3,65
-	Đất khu công nghiệp	SKK	98,75	1,35
-	Đất cụm công nghiệp	SKN	25,01	0,34
-	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-
-	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	101,88	1,39
-	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	17,47	0,24
-	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	23,75	0,32
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.130,25	15,46
-	Đất công trình giao thông	DGT	848,49	11,61
-	Đất công trình thủy lợi	DTL	136,79	1,87
-	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-
-	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	0,35	0,01
-	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	27,08	0,37
-	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	4,98	0,07
-	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,34	0,02
-	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	9,69	0,13

-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	101,54	1,39
2.9	Đất tôn giáo	TON	14,13	0,19
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	15,88	0,22
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD	308,23	4,22
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	521,95	7,14
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	148,92	2,04
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	373,03	5,10
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	152,14	2,08

4.1.1. Đất nông nghiệp

- Tiếp tục phát triển các mô hình đầu tư thâm canh, đa dạng các loại cây trồng, lựa chọn giống mới năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt; đầu tư phát triển các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản, vùng trồng hoa ở các vùng chuyên canh.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2025, diện tích đất nông nghiệp là 3.696,12 ha, chiếm 50,57 % diện tích tự nhiên, diện tích giảm 194,60 ha so với năm 2024, cụ thể:

4.2.1.1. Đất trồng lúa

Năm 2025, diện tích trồng lúa là 942,26 ha, giảm 64,19 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình: Đường Hàn Thuyên nối dài; Xây dựng CSHT KDC đường Bà Triệu; Hoàn thiện CSHT khu dân cư hai bên đường Phạm Hồng Thái; Xây dựng CSHT mở rộng khu dân cư đường Thanh Niên (giai đoạn 2); Khu đô thị Bắc Sông Hiếu giai đoạn 2; Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà; Xây dựng CSHT khu dân cư dãy 2 đường Khóa Bảo và đường Thành Cổ, Phường 3 (giai đoạn 2); Xây dựng CSHT khu tái định cư Phường 3 (giai đoạn 2); Xây dựng CSHT khu tái định cư Tây đường Hùng Vương (giáp cầu Vĩnh Phước); Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương; Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1 (đoạn qua thành phố Đông Hà); Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; Khu dân cư Nam Sông Hiếu phường 4, TP Đông Hà....

4.2.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác

Năm 2025, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 417,63 ha; giảm 21,05 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình: Đường dân sinh kết nối khu phố 3 và khu phố 4, phường Đông Lễ ; Đường vào khu phố Khe Lấp,

phường 3 (từ đường vào Nghĩa trang Nhân dân thành phố Đông Hà đến khu phố Khe Lấp); Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà; Xây dựng CSHT khu tái định cư Tây đường Hùng Vương (giáp cầu Vĩnh Phước); Đường Lê Thánh Tông (Đoạn Lê Lợi - Hùng Vương); Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2; Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà...

4.2.1.3. Đất trồng cây lâu năm

Năm 2025, diện tích đất trồng cây lâu năm là 10,43 ha, giảm 7,75 ha, do chuyển đất phi nông nghiệp để thực hiện công trình: Đường vào khu phố Khe Lấp, phường 3 (từ đường vào Nghĩa trang Nhân dân thành phố Đông Hà đến khu phố Khe Lấp); Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà; Xây dựng CSHT khu tái định cư Tây đường Hùng Vương (giáp cầu Vĩnh Phước); Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà...

4.2.1.4. Đất rừng phòng hộ

Diện tích hiện trạng sử dụng đất trong năm 2024 là 75,91 ha. Năm 2025, đất rừng phòng hộ không có sự biến động, diện tích giữ nguyên hiện trạng là 75,91 ha.

4.2.1.5. Đất rừng sản xuất

Năm 2025, diện tích đất rừng sản xuất là 2.094,99 ha, giảm 105,08 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án: Đường vào khu phố Khe Lấp, phường 3 (từ đường vào Nghĩa trang Nhân dân thành phố Đông Hà đến khu phố Khe Lấp); Đường quanh hồ Trung Chi ; Xây dựng CSHT khu dân cư Cổ Hoá (mở rộng), Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương; Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà; Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà...

4.2.1.6. Đất nuôi trồng thủy sản

Năm 2025, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 120,83 ha, giảm 8,23 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án: Thoát nước khu dân cư và nâng cấp đường Nguyễn Thiện Thuật; Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1 (đoạn qua thành phố Đông Hà); Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà; GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá QSD đất thực hiện dự án chợ và khu phố chợ Phường 5; Xây dựng CSHT KDC

khu phố Tây Trì, Phường 1; Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà ; Khu dân cư mới Phường 1...

4.2.1.7. Đất nông nghiệp khác

Năm 2025, diện tích đất nông nghiệp khác là 33,44 ha, tăng 11,70 ha so với năm 2024 để Xây dựng vườn ươm giống cây lâm nghiệp công nghệ cao tại Phường 4 và thực hiện dự án Vùng trồng hoa chậu tập trung tại phường Đông Giang.

4.1.2. Đất phi nông nghiệp

Năm 2025, diện tích đất phi nông nghiệp là 3.460,27 ha, chiếm 47,35 % diện tích tự nhiên, tăng 222,68 ha so với năm 2024. Cụ thể:

4.2.2.1. Đất ở tại đô thị

Năm 2025, diện tích đất ở tại đô thị là 852,99 ha, tăng 47,73 ha. Trong đó thu hồi 11,75 ha đất ở tại đô thị để thực hiện xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố; thu hồi 59,47 ha (trong đó: Đất trồng lúa 15,12 ha; đất trồng cây hàng năm khác 5,12 ha; đất trồng cây lâu năm 2,14 ha; đất rừng sản xuất 19,46 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,50 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,01 ha, đất giao thông 3,71 ha; đất thủy lợi 1,01 ha; đất nghĩa trang 2,59 ha; đất khu vui chơi, giải trí cộng đồng, sinh hoạt cộng đồng 2,45 ha; đất tín ngưỡng 0,02 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 2,35 ha; đất chưa sử dụng 4,0 ha) để thực hiện các công trình, cụ thể:

- Thu hồi 2,45 ha đất thực hiện Khu dân cư thương mại phía Nam Công viên Cọ dầu.
- Thu hồi 0,50 ha đất để thực hiện đấu giá các lô lẻ trong khu dân cư trên địa bàn các phường do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,09 ha đất xây dựng khu dân cư mới Phường 1 do Sở Xây dựng làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,50 ha để hoàn thiện CSHT các lô đất lẻ trong khu dân cư (giai đoạn 2) do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,36 ha đất Xây dựng CSHT khu tái định cư Phường 3 (giai đoạn 2) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 1,06 ha đất xây dựng CSHT KDC đường Bà Triệu do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 1,86 ha để xây dựng CSHT khu dân cư dãy 2 đường Khóa Bảo và đường Thành Cổ, Phường 3 (giai đoạn 2) do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 4,11 ha đất xây dựng Khu dân cư Nam Sông Hiếu phường 4, thành phố Đông Hà.
- Thu hồi 6,22 ha đất xây dựng Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,03 ha đất xây dựng CSHT KDC khu phố 1A, phường Đông Lễ do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 3,90 ha đất để Hoàn thiện CSHT khu dân cư hai bên đường Phạm Hồng Thái do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 12,40 ha đất xây dựng Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 12,23 ha đất xây dựng Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà do Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Sài Gòn Thành Đạt làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 4,00 ha đất xây dựng CSHT khu tái định cư đường Hùng Vương (giáp cầu Vĩnh Phước) do UBND thành phố Đông Hà làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 7,35 ha đất xây dựng Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.
- Thu hồi 0,78 ha đất Xây dựng CSHT khu dân cư Cổ Hoá (mở rộng) do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,70 ha đất Hoàn thiện Khu dân cư Cổ Hoá, phường Đông Lương do UBND phường Đông Lương tỉnh làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 2,40 ha đất Xây dựng CSHT mở rộng khu dân cư đường Thanh Niên (giai đoạn 2) do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

4.2.2.2. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Năm 2025, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 63,84 ha, tăng 1,54 ha để thực hiện công trình, dự án sau:

- Thu hồi 0,61 ha đất trồng cây hằng năm khác để xây dựng các cơ quan, đơn vị trong Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,70 ha đất bằng chưa sử dụng để Trụ sở làm việc Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 2,70 ha (được lấy từ đất xây dựng trụ sở 2,47 ha; đất ở tại đô thị 0,17 ha; đất chưa sử dụng 0,06 ha) đất để Trụ sở Tỉnh Ủy và các cơ quan, giai đoạn 1 do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

4.2.2.3. Đất quốc phòng

Năm 2025, diện tích đất quốc phòng là 115,17 ha, giảm 0,93 ha, do thu hồi đất để thực hiện dự án khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà.

4.2.2.4. Đất an ninh

Năm 2025, diện tích đất an ninh là 27,01 ha, trong năm kế hoạch đất an ninh không có sự biến động.

4.2.2.5. Đất xây dựng công trình sự nghiệp

a. Đất xây dựng cơ sở văn hóa

Năm 2025, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 5,30 ha, trong năm kế hoạch đất văn hóa không có sự biến động.

b. Đất xây dựng cơ sở xã hội

Năm 2025, Đất xây dựng cơ sở xã hội là 0,07 ha, trong năm kế hoạch đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội không có sự biến động.

c. Đất xây dựng cơ sở y tế

Năm 2025, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 28,59 ha, trong năm kế hoạch đất xây dựng cơ sở y tế không có sự biến động.

d. Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Năm 2025, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 93,13 ha, tăng 5,21 ha. Trong đó, thu hồi 0,41 ha đất cơ sở giáo dục - đào tạo để xây dựng công trình dự án trên địa bàn thành phố; thu hồi 5,62 ha (trong đó: Đất trồng lúa 4,58 ha; đất rừng sản xuất 0,93 ha; đất nghĩa địa 0,01 ha; đất ở tại đô thị 0,02 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,06 ha; đất chưa sử dụng 0,02 ha) để xây dựng công trình:

- Thu hồi 0,37 ha đất xây dựng trường học trong Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.

- Thu hồi 0,87 ha đất xây dựng trường học trong Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà.

- Thu hồi 4,38 ha đất xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn.

e. Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao

Năm 2025, Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao là 16,69 ha, không có sự biến động.

- g. Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn là 0,02 ha thu hồi từ đất sông để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng mới các trạm quan trắc môi trường tự động, cố định trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

4.2.2.6. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp

a. Đất khu công nghiệp

Năm 2025, diện tích đất khu công nghiệp là 98,75 ha, trong năm kế hoạch đất khu công nghiệp không có sự biến động.

b. Đất cụm công nghiệp

Năm 2025, diện tích đất cụm công nghiệp là 25,01 ha, trong năm kế hoạch đất cụm công nghiệp không có sự biến động.

c. Đất thương mại, dịch vụ

Năm 2025, diện tích đất thương mại, dịch vụ là 101,88 ha, tăng 15,57 ha; thu hồi 0,04 ha đất thương mại, dịch vụ để thực hiện xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố; thu hồi 15,61 ha (trong đó: Đất trồng lúa 3,94 ha; đất trồng cây hàng năm khác 1,03 ha; đất trồng cây lâu năm 0,08 ha, đất rừng sản xuất 2,60 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,78 ha; đất giao thông 0,33 ha; đất thủy lợi 0,25 ha; đất khu vui chơi 1,50 ha; đất nghĩa địa 2,51 ha; đất ở tại đô thị 0,67 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 1,14 ha; đất chưa sử dụng 0,78 ha) để xây dựng các công trình thương mại, dịch vụ, cụ thể:

- Thu hồi 2,48 ha đất thực hiện Khu dân cư thương mại phía Nam Công viên Cọ dầu.

- Thu hồi 1,90 ha đất thực hiện Dự án khu sinh thái hồ Méc tại Phường 2.

- Thu hồi 0,94 ha đất xây dựng các hạng mục liên quan đến thương mại, dịch vụ Khu dân cư Nam Sông Hiếu phường 4, thành phố Đông Hà.

- Thu hồi 4,42 ha đất xây dựng các hạng mục liên quan đến thương mại, dịch vụ khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà.

- Thu hồi 2,07 ha đất xây dựng các hạng mục liên quan đến thương mại, dịch vụ Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.

- Chuyển mục đích 0,07 ha từ đất ở tại đô thị sang đất thương mại dịch vụ để xây dựng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị.

- Thu hồi 3,05 ha đất xây dựng các hạng mục liên quan đến thương mại, dịch vụ khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2.

- Thu hồi 0,675 ha đất xây dựng Xây dựng CSHT khu vực Bắc Sông Hiếu.

d. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Năm 2025, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 17,47 ha, trong năm kế hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không có sự biến động.

e. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Năm 2025, diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản là 23,75 ha, tăng 23,75 ha; thu hồi từ loại đất rừng sản xuất để thực hiện công trình: Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Đông Lương thuộc phường Đông Lương, thành phố Đông Hà

4.2.2.7. Đất sử dụng vào mục đích công cộng

a. Đất giao thông

Năm 2025, diện tích đất giao thông là 848,49 ha, tăng 85,86 ha. Trong đó, thu hồi 8,22 ha đất giao thông để thực hiện các công trình trên địa bàn thành phố; thu hồi 94,08 ha (trong đó: đất trồng lúa 28,54 ha; đất trồng cây hàng năm khác 6,96 ha; đất trồng cây lâu năm 1,11 ha; đất rừng sản xuất 31,31 ha; đất nuôi trồng thủy sản 2,80 ha; đất quốc phòng 0,93 ha; đất thủy lợi 1,62 ha; đất nghĩa địa 2,21 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,33 ha, đất thương mại dịch vụ 0,04 ha; đất ở tại đô thị 7,32 ha; đất tín ngưỡng 0,06 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 3,89 ha; đất chưa sử dụng 6,96 ha) để xây dựng các công trình, dự án giao thông, cụ thể:

- Thu hồi 3,55 ha đất xây đường vào khu phố Khe Lấp, phường 3 do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,7 ha đất xây dựng đường dân sinh kết nối khu phố 3 và khu phố 4, phường Đông Lễ do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,30 ha đất để Xây dựng CSHT khu dân cư Cổ Hoá (mở rộng) do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,09 ha đất xây dựng đường kẹp 2 bên cầu vượt Đông Hà do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 4,97 ha đất để chỉnh trang đô thị khu vực Trung tâm thành phố Đông Hà do UBND thành phố làm chủ đầu tư do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,20 ha đất để xử lý nút giao thông nguy hiểm do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,03 ha đất xây dựng đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn Tạ Quang Bửu đến Trần Nhật Duật) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 6,37 ha đất xây dựng đường hai đầu cầu dây văng Sông Hiếu giai đoạn 1 do Ban QLDA ĐTXD tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,02 ha đất để hoàn thiện CSHT khu dân cư phía Tây đường Khóa Bảo do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,34 ha đất để xây dựng CSHT khu dân cư dãy 2 đường Khóa Bảo và đường Thành Cổ, Phường 3 (giai đoạn 2) do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,8 ha đất để xây dựng CSHT mở rộng khu dân cư đường Thanh Niên (giai đoạn 2) do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,13 ha đất để xây dựng CSHT khu tái định cư Phường 3 (giai đoạn 2) do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 4,39 ha đất để xây dựng Khu dân cư Nam Sông Hiếu phường 4, thành phố Đông Hà.

- Thu hồi 0,33 ha đất xây dựng đường Đặng Trần Côn (đoạn từ đường Hùng Vương đến Hàm Nghi) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,66 ha đất xây dựng đường quanh hồ Trung Chỉ do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,79 ha đất xây dựng đường Lê Thánh Tông (Đoạn Lê Lợi - Hùng Vương) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,57 ha đất xây dựng đường Trần Quang Khải (đoạn từ Hàn Mặc Tử tới Lê Thánh Tông) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,03 ha đất xây dựng đường Vành đai cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà (Đường nối từ đường Nguyễn Du đến đường Trần Bình Trọng) do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,30 ha đất xây dựng đường Trường Chinh nối dài (đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Nguyễn Chí Thanh) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,02 ha đất xây dựng Vĩa hè và hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,03 ha đất để xây dựng đường Kiệt 120 Tôn Thất thuyết (đường Thanh Tịnh) do UBND Phường 5 làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,43 ha đất xây dựng đường Trần Nguyên Hãn, thành phố Đông Hà (giai đoạn 2) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,34 ha đất thực hiện Dự án GPMB để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng QL9 đoạn từ cảng Cửa Việt đến QL1 (bổ sung) do Ban QLDA ĐTXD tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 4,51 ha đất xây dựng Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,37 ha đất xây dựng đường Tuệ Tĩnh và CSHT khu dân cư 2 bên tuyến do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 34,27 ha đất xây dựng đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1 (đoạn qua thành phố Đông Hà) do Ban QLDA ĐTXD tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 17,55 ha đất xây dựng đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà do Sở GTVT làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 2,50 ha đất để hoàn thiện CSHT khu dân cư hai bên đường Phạm Hồng Thái do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,50 ha để thực hiện dự án Thoát nước khu dân cư và nâng cấp đường Nguyễn Thiện Thuật do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 10,50 ha đất để xây dựng Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà do Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Sài Gòn Thành Đạt làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,002 ha đất xây dựng đường nối từ đường Điện Biên Phủ đến đường Nguyễn Hữu Khiếu do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 24,48 ha đất xây dựng Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,03 ha đất xây dựng CSHT khu tái định cư Tây đường Hùng Vương (giáp cầu Vĩnh Phước) do UBND thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 10,14 ha đất để xây dựng Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.

- Thu hồi 0,05 ha đất để hoàn thiện 47 m và các hạ tầng khu tái định cư Bắc Sông Hiếu do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,09 ha đất xây dựng Đường Hàn Thuyên nối dài do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

b. Đất thủy lợi

Năm 2025, diện tích đất thủy lợi là 136,79 ha, tăng 48,82 ha so với năm 2024. Trong đó, thu hồi 3,75 ha đất thủy lợi để xây dựng các công trình dự án trên địa bàn thành phố; thu hồi 52,57 ha (trong đó: Đất trồng lúa 5,15 ha; đất trồng cây hàng năm khác 5,54 ha; đất trồng cây lâu năm 3,77 ha; đất rừng sản xuất 0,73 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,21 ha; đất giao thông 2,80 ha; đất nghĩa địa 1,16 ha; đất ở tại đô thị 1,32 ha; đất tín ngưỡng 0,09 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 17,75 ha; đất chưa sử dụng 13,05 ha) để thực hiện các công trình thủy lợi, cụ thể:

- Thu hồi 53,07 ha đất để thực hiện Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà do UBND thành phố Đông Hà làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,65 ha đất xây dựng Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.

- Thu hồi 1,52 ha đất để xây dựng Hệ thống thoát nước khu vực Trường THCS Phan Đình Phùng và Khu phố 2 Phường 5 do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

c. Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên

Năm 2025, đất có di tích lịch sử - văn hóa là 0,35 ha, trong năm kế hoạch đất có di tích lịch sử - văn hóa không có sự biến động.

d. Đất công trình xử lý chất thải

Năm 2025, đất bãi thải, xử lý chất thải là 27,08 ha, trong năm kế hoạch đất bãi thải, xử lý chất thải không có sự biến động.

e. Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng

Năm 2025, diện tích đất năng lượng là 4,98 ha, tăng 0,31 ha (được lấy từ đất trồng lúa 0,06 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,05 ha; đất trồng cây lâu năm 0,05 ha; đất rừng sản xuất 0,03 ha; đất ở tại đô thị 0,02 ha; đất chưa sử dụng 0,10 ha) để xây dựng công trình Cải tạo và phát triển lưới điện hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Trị.

g. Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin

Năm 2025, đất công trình bưu chính, viễn thông là 1,34 ha, trong năm kế hoạch đất công trình bưu chính, viễn thông không có sự biến động.

h. Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối

Năm 2025, diện tích đất chợ là 9,69 ha, tăng 2,25 ha (được lấy từ đất trồng cây hàng năm khác 1,11 ha; đất đất nuôi trồng thủy sản 0,14 ha; đất giao thông 0,21 ha; đất thủy lợi 0,23 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,07 ha; đất nghĩa địa 0,01 ha; đất ở tại đô thị 0,30 ha; đất chưa sử dụng 0,13 ha, đất mặt nước chuyên dùng 0,05 ha) để thực hiện GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá QSD đất thực hiện dự án chợ và khu phố chợ Phường 5 do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

3.2.2.8. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng.

Năm 2025, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng là 101,54 ha, tăng 29,45 ha, trong đó thu hồi 3,95 ha để xây dựng các công trình dự án trên địa bàn thành phố, thu hồi 33,40 ha (được lấy từ đất trồng lúa 4,42

ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,63 ha; đất cây lâu năm 0,60 ha, đất rừng sản xuất 17,15 ha; đất nuôi trồng thủy sản 1,8 ha; đất giao thông 1,07 ha; đất thủy lợi 0,59 ha; đất nghĩa địa 1,50 ha; đất ở tại đô thị 1,93 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 1,47 ha; đất chưa sử dụng 2,24 ha) để xây dựng các công trình, dự án mới, các khu công viên cây xanh, khu vui chơi, giải trí công cộng, cụ thể:

- Thu hồi 1,47 ha đất để xây dựng công viên cây xanh, công cộng thuộc khu đô thị Bắc sông Hiếu, giai đoạn 2 do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 23,90 ha đất để xây dựng công viên cây xanh, công cộng trong khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 6,22 ha đất để xây dựng công viên cây xanh công cộng trong Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.

- Thu hồi 1,25 ha đất để xây dựng công viên cây xanh công cộng trong Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà.

- Thu hồi 0,56 ha đất để xây dựng công viên cây xanh, công cộng trong Khu dân cư Nam Sông Hiếu phường 4, thành phố Đông Hà.

3.2.2.9. Đất tôn giáo

Năm 2025, đất cơ sở tôn giáo là 14,13 ha, tăng 0,1 ha được lấy từ đất nghĩa địa 0,1 ha; để xây dựng công trình Niệm Phật đường Đình Tổ.

3.2.2.10. Đất tín ngưỡng

Năm 2025, diện tích đất tín ngưỡng là 15,88 ha, giảm 0,09 ha. Thu hồi 0,17 ha để thực hiện các công trình khác trên địa bàn, thu hồi 0,08 ha (trong đó: Đất trồng lúa 0,04 ha; đất rừng sản xuất 0,02 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,02 ha) để xây dựng cơ sở tín ngưỡng trong Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.

3.2.2.11. Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Năm 2025, diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt là 308,23 ha, giảm 10,11 ha.

3.2.2.12. Đất có mặt nước chuyên dùng

Năm 2025, diện tích đất có mặt nước chuyên dùng là 521,95 ha, giảm 26,78 ha.

3.2.2.13. Đất phi nông nghiệp khác

Năm 2025, diện tích đất phi nông nghiệp khác là 0,13 ha, không có sự biến động.

4.1.3. Đất chưa sử dụng

Năm 2025, diện tích đất chưa sử dụng là 152,14 ha, chiếm 2,08 % diện tích tự nhiên, giảm 28,08 ha so với năm 2024.

4.2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

- Đất nông nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 3.890,72 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 3.684,42 ha, diện tích cuối kỳ năm 2025 là 3.696,12 ha, giảm 194,60 ha so với năm 2024.

+ Đất trồng lúa: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 1.006,45 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 942,26 ha, diện tích cuối kỳ năm 2025 là 942,26 ha, giảm 64,19 ha so với năm 2024. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác: 2,34 ha;
- Đất ở tại đô thị: 15,12 ha;
- Đất giáo dục: 4,58 ha;
- Đất thương mại dịch vụ: 3,94 ha
- Đất công trình giao thông: 28,54 ha
- Đất công trình thủy lợi: 5,15 ha
- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,06 ha
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 4,42 ha;
- Đất cơ sở tín ngưỡng 0,04 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 438,67 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 417,63 ha, diện tích cuối kỳ năm 2025 là 417,63 ha, giảm 21,05 ha so với năm 2024. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất ở tại đô thị: 5,12 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,61 ha.
- Đất thương mại, dịch vụ: 1,03 ha;
- Đất công trình giao thông: 6,96 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 5,54 ha;
- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,05 ha;
- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: 1,11 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 0,63 ha;

+ Đất trồng cây lâu năm: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 18,18 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 10,43 ha, diện tích

cuối kỳ năm 2025 là 10,43 ha, giảm 7,75 ha so với năm 2024. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất ở tại đô thị: 2,14 ha.
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,08 ha;
- Đất công trình giao thông: 1,11 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 3,77 ha;
- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,05 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 0,60 ha;

+ Đất rừng sản xuất: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 2.200,07 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2.094,99 ha, diện tích cuối kỳ năm 2025 là 2.094,99 ha, giảm 105,08 ha so với năm 2024. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác: 9,10 ha;
- Đất ở tại đô thị: 19,46 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,93 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 2,60 ha;
- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 23,75 ha;
- Đất công trình giao thông: 31,31 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 0,73 ha;
- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,03 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 17,15 ha;
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,02 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 129,06 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 120,83 ha, diện tích cuối kỳ năm 2025 là 120,83 ha, giảm 8,23 ha so với năm 2024. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất ở tại đô thị 1,50 ha.
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,78 ha
- Đất công trình giao thông: 2,80 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 1,21 ha;
- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: 0,14 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 1,80 ha;

+ Đất nông nghiệp khác: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 21,74 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 21,74 ha, diện tích

cuối kỳ năm 2025 là 33,44 ha, tăng 11,70 ha so với năm 2024. Biến động tăng do nhận từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa nước: 2,34 ha;
- Đất rừng sản xuất: 9,10 ha;
- Đất giao thông: 0,1 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 0,06 ha;
- Đất nghĩa trang: 0,03 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,03 ha;
- Đất chưa sử dụng: 0,04 ha.

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 3.237,58 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 3.171,47 ha, diện tích cuối kỳ năm 2025 là 3.460,27 ha, tăng 222,68 ha so với năm 2024.

+ Đất ở tại đô thị: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 805,27 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 793,52 ha, diện tích cuối kỳ năm 2025 là 852,99 ha, tăng 47,73 ha so với năm 2024. Biến động tăng 59,47 ha do nhận từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 15,12 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 5,12 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 2,14 ha;
- Đất rừng sản xuất: 19,46 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,50 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,01 ha;
- Đất công trình giao thông: 3,71 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 1,01 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 2,45 ha;
- Đất tín ngưỡng: 0,02 ha;
- Đất nghĩa trang: 2,59 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 2,35 ha;
- Đất chưa sử dụng: 4,0 ha.

Đồng thời, trong năm kế hoạch đất ở tại đô thị có biến động giảm 11,75 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,17 ha; Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 0,02 ha; Đất thương mại, dịch vụ 0,67; Đất công trình giao thông 7,32 ha; Đất công trình thủy lợi 1,32 ha; Đất công trình năng

lượng, chiếu sáng công cộng 0,02 ha; Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 0,30 ha; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng 1,93 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 62,30 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 62,30 ha, diện tích cuối kỳ năm 2025 là 63,84 ha, tăng 1,54 ha so với năm 2024 do nhận từ các loại đất sau.

- Đất trồng cây hằng năm khác: 0,61 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,17 ha;
- Đất chưa sử dụng: 0,76 ha;

+ Đất quốc phòng: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 116,10 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 116,10 ha, diện tích cuối kỳ năm 2025 là 115,17 ha, giảm 0,93 ha so với năm 2024. Biến động giảm do chuyển sang đất giao thông.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 138,58 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 138,58 ha, diện tích cuối kỳ năm 2025 là 143,80 ha, tăng 5,23 ha so với năm 2024. Biến động tăng 5,64 ha do nhận từ các loại đất sau.

- Đất trồng lúa: 4,58 ha;
- Đất rừng sản xuất: 0,93 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,02 ha;
- Đất nghĩa trang: đất cơ sở lưu giữ tro cốt: 0,01 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,08 ha;
- Đất chưa sử dụng: 0,02 ha.

Đồng thời, trong năm kế hoạch công trình sự nghiệp có biến động giảm 0,41 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất ở tại đô thị 0,01 ha, Đất công trình giao thông 0,33 ha; đất chợ dân sinh, chợ đầu mối 0,07 ha.

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 227,55 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 227,51 ha, diện tích cuối kỳ năm 2025 là 266,87 ha, tăng 39,32 ha so với năm 2024. Biến động tăng 39,36 ha do nhận từ các loại đất sau.

- Đất trồng lúa: 3,94 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 1,03 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 0,08 ha;
- Đất rừng sản xuất: 26,35 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,78 ha;

- Đất ở tại đô thị: 0,67 ha;
- Đất công trình giao thông: 0,33 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 0,25 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt: 1,50 ha;
- Đất nghĩa trang: 2,51 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,14 ha;
- Đất chưa sử dụng: 0,78 ha.

Đồng thời, trong năm kế hoạch đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp có biến động giảm 0,04 ha do chuyển sang đất công trình giao thông.

+ Đất sử dụng vào mục đích công cộng: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 963,57 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 947,65 ha, diện tích cuối kỳ năm 2025 là 1.130,25 ha, tăng 166,68 ha so với năm 2024. Biến động tăng 182,61 ha do nhận từ các loại đất sau.

- Đất trồng lúa: 38,17 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 14,29 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 5,53 ha;
- Đất rừng sản xuất: 49,22 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 5,95 ha;
- Đất ở tại đô thị: 10,89 ha;
- Đất quốc phòng: 0,93 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,40 ha;
- Đất thương mại dịch vụ: 0,04 ha;
- Đất công trình giao thông: 4,08 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 2,44 ha;
- Đất tín ngưỡng: 0,15 ha;
- Đất nghĩa trang: 4,88 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 23,16 ha;
- Đất chưa sử dụng: 22,48 ha.

Đồng thời, trong năm kế hoạch đất sử dụng vào mục đích công cộng có biến động giảm 15,92 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác: 0,16 ha.
- Đất ở tại đô thị: 7,17 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 2,08 ha;

- Đất công trình giao thông: 1,62 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 2,80 ha;
- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: 0,44 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 1,66 ha;

+ Đất tôn giáo: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 14,03 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 14,03 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 14,13 ha, tăng 0,1 ha do nhận từ đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa tang, đất cơ sở lưu giữ tro cốt.

+ Đất tín ngưỡng: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 15,97 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 15,80 ha, diện tích cuối kỳ năm 2024 là 15,88 ha. Giảm 0,09 ha so với 2024. Trong đó biến động tăng 0,08 ha nhận từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 0,04 ha.
- Đất rừng sản xuất: 0,02 ha.
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,02 ha.

Đồng thời, trong kỳ kế hoạch đất tín ngưỡng giảm 0,17 ha, do chuyển sang các loại đất sau: Đất ở đô thị: 0,02 ha; đất giao thông 0,06 ha; đất công trình thủy lợi 0,09 ha.

+ Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa tang, đất cơ sở lưu giữ tro cốt: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 318,34 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 308,23 ha, diện tích cuối kỳ năm 2025 là 308,23 ha, giảm 10,11 ha so với năm 2024 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác: 0,03 ha;
- Đất ở tại đô thị: 2,59 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,01 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 2,51 ha;
- Đất công trình giao thông: 2,21 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 1,16 ha;
- Đất tôn giáo: 0,1 ha;
- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: 0,01 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 1,50 ha;

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 548,73 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 521,95 ha,

diện tích cuối kỳ năm 2025 là 521,95 ha, giảm 26,78 ha so với năm 2024 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác: 0,03 ha;
- Đất ở tại đô thị: 2,35 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,06 ha;
- Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn: 0,02 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 1,14 ha;
- Đất công trình giao thông: 3,89 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 17,75 ha;
- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: 0,05 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 1,47 ha;
- Đất tôn giáo: 0,02 ha;

+ Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 0,13 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 0,13 ha.

- Đất chưa sử dụng: Diện tích hiện trạng năm 2024 là 180,22 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 152,14 ha, diện tích cuối kỳ năm 2025 là 152,14 ha, giảm 28,08 ha so với năm 2024 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác: 0,04 ha;
- Đất ở tại đô thị: 4,0 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,76 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,02 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,78 ha;
- Đất công trình giao thông: 6,96 ha;
- Đất công trình thủy lợi: 13,05 ha;
- Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng: 0,10 ha;
- Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: 0,13 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 2,24 ha;

(Chi tiết có Biểu 24/CH kèm theo)

4.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong năm 2025, khai thác sử dụng 28,08 ha từ đất bằng chưa sử dụng để đầu giá các lô đất lẻ trong khu dân cư, thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, mở rộng phát triển các khu đô thị mới, ... Cụ thể, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích (đất nông nghiệp khác: 0,04 ha, đất ở tại đô thị: 4,0 ha,

đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,76 ha, đất giáo dục: 0,02 ha, đất thương mại, dịch vụ: 0,78 ha, đất giao thông: 6,96 ha, đất thủy lợi: 13,05 ha, đất công trình năng lượng: 0,1 ha, đất chợ dân sinh, chợ đầu mối: 0,13 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 2,24 ha). Cụ thể:

- Phường 1:

+ Sử dụng 0,05 ha sang đất ở tại đô thị thực hiện công trình : Hoàn thiện cơ sở hạ tầng các lô đất lẻ trong khu dân cư (giai đoạn 2).

+ Sử dụng 1,0 ha sang đất giao thông thực hiện công trình: Đường hai đầu cầu dây văng Sông Hiếu giai đoạn 1.

+ Sử dụng 0,57 ha sang đất thủy lợi thực hiện công trình: Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà.

+ Sử dụng 0,01 ha sang đất công trình năng lượng thực hiện công trình: Cải tạo và phát triển lưới điện hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Trị.

- Phường 2:

+ Sử dụng 0,05 ha sang đất ở tại đô thị thực hiện công trình: Hoàn thiện cơ sở hạ tầng các lô đất lẻ trong khu dân cư (giai đoạn 2).

+ Sử dụng 0,1 ha sang đất thương mại dịch vụ thực hiện công trình: Khu sinh thái Hồ Méc.

+ Sử dụng 0,02 ha sang đất công trình năng lượng thực hiện công trình: Cải tạo và phát triển lưới điện hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Trị.

- Phường 3:

+ Sử dụng 0,07 ha sang đất ở tại đô thị thực hiện công trình: Hoàn thiện cơ sở hạ tầng các lô đất lẻ trong khu dân cư (giai đoạn 2).

+ Sử dụng 0,27 ha sang đất ở tại đô thị thực hiện công trình: Các lô đất lẻ trong khu dân cư; Xây dựng CSHT khu dân cư dãy 2 đường Khóa Bảo và đường Thành Cổ, Phường 3 (giai đoạn 2); Hoàn thiện CSHT các lô đất lẻ trong khu dân cư (giai đoạn 2); Xây dựng CSHT KDC đường Bà Triệu.

+ Sử dụng 1,23 ha sang đất giao thông thực hiện công trình: Đường hai đầu cầu dây văng Sông Hiếu giai đoạn 1; Đường vào khu phố Khe Lấp, phường 3 (từ đường vào Nghĩa trang Nhân dân thành phố Đông Hà đến khu phố Khe Lấp).

+ Sử dụng 1,58 ha sang đất thủy lợi thực hiện công trình: Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà.

+ Sử dụng 0,01 ha sang đất công trình năng lượng thực hiện công trình: Cải tạo và phát triển lưới điện hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Trị.

- Phường 4:

+ Sử dụng 0,05 ha sang đất ở tại đô thị thực hiện công trình: Xây dựng CSHT KDC đường Bà Triệu; Hoàn thiện CSHT các lô đất lẻ trong khu dân cư (giai đoạn 2).

- Phường 5:

+ Sử dụng 0,06 ha sang đất ở tại đô thị thực hiện công trình: Các lô đất lẻ trong khu dân cư; Hoàn thiện CSHT các lô đất lẻ trong khu dân cư (giai đoạn 2).

+ Sử dụng 0,51 ha sang đất giao thông thực hiện công trình: Đường quanh hồ Trung Chí; Đường Lê Thánh Tông (Đoạn Lê Lợi - Hùng Vương); Đường Trần Quang Khải (đoạn từ Hàn Mặc Tử tới Lê Thánh Tông); Đường Trường Chinh nối dài (đoạn từ đường Nguyễn Du đến đường Nguyễn Chí Thanh).

+ Sử dụng 0,97 ha sang đất thủy lợi thực hiện công trình: Hệ thống thoát nước khu vực trường THCS Phan Đình Phùng và khu phố 2 Phường 5; Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà.

+ Sử dụng 0,02 ha sang đất công trình năng lượng thực hiện công trình: Cải tạo và phát triển lưới điện hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Trị.

+ Sử dụng 0,13 ha sang đất chợ dân sinh, chợ đầu mối vào công trình GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá QSD đất thực hiện dự án chợ và khu phố chợ Phường 5.

- Phường Đông Giang:

+ Sử dụng 0,04 ha sang đất nông nghiệp khác vào công trình: Vùng trồng hoa chậu tập trung tại phường Đông Giang.

+ Sử dụng 0,28 ha sang đất ở tại đô thị thực hiện công trình: Các lô đất lẻ trong khu dân cư; Hoàn thiện cơ sở hạ tầng các lô đất lẻ trong khu dân cư (giai đoạn 2); Xây dựng CSHT mở rộng khu dân cư đường Thanh Niên (giai đoạn 2).

+ Sử dụng 0,23 ha sang đất giao thông thực hiện công trình: Đường Trần Nguyên Hãn, thành phố Đông Hà (giai đoạn 2); Dự án GPMB để thực hiện dự án

nâng cấp, mở rộng QL9 đoạn từ cảng Cửa Việt đến QL1; Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà.

+ Sử dụng 3,05 ha sang đất thủy lợi thực hiện công trình: Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà.

+ Sử dụng 0,02 ha sang đất công trình năng lượng thực hiện công trình: Cải tạo và phát triển lưới điện hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Trị.

- Phường Đông Lễ:

+ Sử dụng 0,25 ha sang đất ở tại đô thị thực hiện công trình: Các lô đất lẻ trong khu dân cư; Hoàn thiện cơ sở hạ tầng các lô đất lẻ trong khu dân cư (giai đoạn 2).

+ Sử dụng 0,58 ha sang đất giao thông thực hiện công trình: Đường Tuệ Tĩnh và CSHT khu dân cư 2 bên tuyến; Đường dân sinh kết nối khu phố 3 và khu phố 4, phường Đông Lễ; Đường Hàn Thuyên nối dài; Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1 (đoạn qua thành phố Đông Hà); Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà.

+ Sử dụng 1,67 ha sang đất thủy lợi thực hiện công trình: Hệ thống thoát nước khu vực trường THCS Phan Đình Phùng và khu phố 2 Phường 5 ; Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà.

+ Sử dụng 0,01 ha sang đất công trình năng lượng thực hiện công trình: Cải tạo và phát triển lưới điện hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Trị.

- Phường Đông Lương:

+ Sử dụng 3,1 ha sang đất ở tại đô thị thực hiện công trình: Hoàn thiện cơ sở hạ tầng các lô đất lẻ trong khu dân cư (giai đoạn 2); Xây dựng CSHT khu dân cư Cổ Hoá (mở rộng); Hoàn thiện CSHT khu dân cư hai bên đường Phạm Hồng Thái; Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà; Xây dựng CSHT khu tái định cư đường Hùng Vương (giáp cầu Vĩnh Phước); Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.

+ Sử dụng 0,76 ha sang đất xây dựng trụ sở cơ quan thực hiện công trình: Trụ sở làm việc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Trị; Trụ sở Tỉnh Ủy và các cơ quan, giai đoạn 1.

+ Sử dụng 0,02 ha sang đất giáo dục thực hiện công trình: Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.

+ Sử dụng 0,47 ha đất thương mại dịch vụ thực hiện công trình: Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà; Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương.

+ Sử dụng 3,64 ha sang đất giao thông thực hiện công trình: Thoát nước khu dân cư và nâng cấp đường Nguyễn Thiện Thuật; Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà; Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương; Đường vào khu phố Khe Lấp, phường 3 (từ đường vào Nghĩa trang Nhân dân thành phố Đông Hà đến khu phố Khe Lấp).

+ Sử dụng 4,51 ha sang đất thủy lợi thực hiện công trình: Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương; Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà.

+ Sử dụng 0,01 ha sang đất công trình năng lượng thực hiện công trình: Cải tạo và phát triển lưới điện hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Trị.

+ Sử dụng 2,24 ha đất sang khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng sang đất công trình năng lượng thực hiện công trình: Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà; Khu dân cư phía Bắc đường Tân Sở, phường Đông Lương ; Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà.

- Phường Đông Thanh:

+ Sử dụng 1,67 ha sang đất ở tại đô thị thực hiện công trình: Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2; Các lô đất lẻ trong khu dân cư; Hoàn thiện cơ sở hạ tầng các lô đất lẻ trong khu dân cư (giai đoạn 2).

+ Sử dụng 0,21 ha sang đất thương mại dịch vụ thực hiện công trình: Xây dựng CSHT khu vực Bắc Sông Hiếu.

+ Sử dụng 1,24 ha sang đất giao thông thực hiện công trình: Xây dựng Cơ sở hạ tầng khu vực Bắc Sông Hiếu; Đường hai đầu cầu dây văng Sông Hiếu giai đoạn 1.

+ Sử dụng 0,7 ha sang đất thủy lợi thực hiện công trình: Dự án Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng đến tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Đông Hà.

(Chi tiết có Biểu 18/CH kèm theo)

4.4. Diện tích đất cần thu hồi

Trong năm 2025, diện tích đất cần thu hồi từ các loại đất là 288,84 ha. Cụ thể:

- Đất trồng lúa: 61,85 ha.

- + Phường 1: 0,49 ha;
- + Phường 2: 0,81 ha;
- + Phường 3: 3,22 ha;
- + Phường 4: 5,13 ha;
- + Phường Đông Giang: 5,96 ha;
- + Phường Đông Lễ: 22,82 ha;
- + Phường Đông Lương: 21,01 ha.
- + Phường Đông Thanh: 2,41 ha;
- Đất trồng cây hàng năm: 21,05 ha.
- + Phường 1: 0,33 ha;
- + Phường 2: 0,41 ha;
- + Phường 3: 1,72 ha;
- + Phường 4: 5,11 ha;
- + Phường 5: 2,76 ha;
- + Phường Đông Giang: 2,42 ha;
- + Phường Đông Lễ: 1,54 ha;
- + Phường Đông Lương: 3,34 ha.
- + Phường Đông Thanh: 3,42 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 7,75 ha.
- + Phường 1: 0,26 ha;
- + Phường 3: 0,62 ha;
- + Phường 5: 0,09 ha;
- + Phường Đông Lễ: 1,46 ha;
- + Phường Đông Lương: 5,32 ha.
- Đất rừng trồng sản xuất: 95,98 ha.
- + Phường 3: 2,58 ha;
- + Phường 5: 0,60 ha;
- + Phường Đông Lễ: 0,04 ha;
- + Phường Đông Lương: 92,62 ha.
- + Phường Đông Thanh: 0,14 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 8,23 ha.
- + Phường 1: 0,06 ha;
- + Phường 2: 0,50 ha;
- + Phường 3: 0,15 ha;
- + Phường 5: 0,21 ha;
- + Phường Đông Giang: 0,30 ha;
- + Phường Đông Lễ: 1,12 ha;

- + Phường Đông Lương: 5,82 ha.
- + Phường Đông Thanh: 0,07 ha;
- Đất ở tại đô thị: 11,75 ha.
- + Phường 1: 0,62 ha;
- + Phường 3: 0,74 ha;
- + Phường 5: 2,22 ha;
- + Phường Đông Giang: 0,57 ha;
- + Phường Đông Lễ: 1,21 ha;
- + Phường Đông Lương: 5,72 ha.
- + Phường Đông Thanh: 0,67 ha;
- Đất quốc phòng: 0,93 ha.
- + Phường Đông Lương: 0,93 ha.
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,41 ha.
- + Phường 1: 0,33 ha;
- + Phường 3: 0,01 ha;
- + Phường 5: 0,07 ha;
- Đất thương mại dịch vụ: 0,04 ha.
- + Phường Đông Thanh: 0,04 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 15,76 ha (trong đó: Đất giao thông: 8,12 ha; đất thủy lợi: 3,69 ha; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 3,95 ha.).
- + Phường 1: 0,13 ha;
- + Phường 3: 0,46 ha;
- + Phường 5: 0,69 ha;
- + Phường Đông Giang: 1,04 ha;
- + Phường Đông Lễ: 1,10 ha;
- + Phường Đông Lương: 9,85 ha.
- + Phường Đông Thanh: 2,50 ha;
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,17 ha.
- + Phường 1: 0,04 ha;
- + Phường 3: 0,04 ha;
- + Phường 5: 0,02 ha;
- + Phường Đông Giang: 0,03 ha;
- + Phường Đông Lễ: 0,01 ha;
- + Phường Đông Lương: 0,03 ha.
- Đất nghĩa trang: 10,08 ha.
- + Phường 1: 0,05 ha;

- + Phường 3: 0,33 ha;
- + Phường 4: 0,06 ha;
- + Phường 5: 0,10 ha;
- + Phường Đông Giang: 1,58 ha;
- + Phường Đông Lễ: 0,16 ha;
- + Phường Đông Lương: 4,22 ha.
- + Phường Đông Thanh: 3,59 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 26,75 ha.
- + Phường 1: 0,80 ha;
- + Phường 2: 0,10 ha;
- + Phường 3: 2,84 ha;
- + Phường 5: 1,04 ha;
- + Phường Đông Giang: 4,70 ha;
- + Phường Đông Lễ: 3,34 ha;
- + Phường Đông Lương: 12,63 ha.
- + Phường Đông Thanh: 1,30 ha;
- Đất chưa sử dụng: 28,08 ha.
- + Phường 1: 1,63 ha;
- + Phường 2: 0,17 ha;
- + Phường 3: 3,09 ha;
- + Phường 4: 0,05 ha;
- + Phường 5: 1,69 ha;
- + Phường Đông Giang: 3,52 ha;
- + Phường Đông Lễ: 2,51 ha;
- + Phường Đông Lương: 11,89 ha.
- + Phường Đông Thanh: 3,53 ha;

(Có Biểu 18/CH, Biểu 19/CH kèm theo)

4.5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Tổng diện tích cần chuyển mục đích trong năm kế hoạch là 216,09 ha, trong đó:

(Chi tiết có Biểu 20/CH kèm theo)

- Trong năm 2025 cần chuyển 194,86 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình dự án, cụ thể:

- + Chuyển sang đất ở: 43,34 ha,
- + Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,61 ha,
- + Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp: 5,51 ha,

- + Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: 32,18 ha,
 - + Chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng: 113,16 ha.
 - + Chuyển sang đất tín ngưỡng: 0,06 ha,
 - Các loại đất nông nghiệp chuyển sang mục đích phi nông nghiệp, cụ thể:
 - + Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 61,85 ha.
 - + Đất trồng cây hằng năm khác sang đất phi nông nghiệp: 21,05 ha.
 - + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 7,75 ha.
 - + Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 95,98 ha.
 - + Đất nuôi rồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 8,23 ha.
 - Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng để: Xây dựng vườn ươm giống cây lâm nghiệp công nghệ cao tại Phường 4 là 9,10 ha.
 - Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 12,13 ha.
- Cụ thể:

- + Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,01 ha.
- + Đất giao thông: 3,71 ha.
- + Đất thủy lợi: 1,01 ha.
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng: 2,45 ha.
- + Đất tín ngưỡng: 0,02 ha.
- + Đất nghĩa địa: 2,59 ha.
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 2,35 ha.

4.6. Giao đất, cho thuê đất đối với thửa đất nhỏ hẹp

Qua thực hiện các bước thống kê, rà soát việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý trên địa bàn thành phố theo khoản 1 Điều 47 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 và Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 05/12/2024 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

- Tổng diện tích đưa vào kế hoạch: 1,38 ha, trong đó:
 - + Phường 1: 0,1 ha;
 - + Phường 2: 0,21 ha;
 - + Phường 3: 0,13 ha;
 - + Phường 4: 0,07 ha;
 - + Phường 5: 0,04 ha;
 - + Phường Đông Giang: 0,24 ha;
 - + Phường Đông Lễ: 0,3 ha;
 - + Phường Đông Lương: 0,19 ha.

+ Phường Đông Thanh: 0,08 ha;

4.7. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Đối với các công trình, dự án theo quy định tại Điều 67 và Điều 76 của Luật Đất đai 2024 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và có ghi vốn trong năm kế hoạch có 179 công trình, dự án. Cụ thể như sau:

- Tổng số công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2025 có 12 công trình, dự án.

- Tổng số công trình dự án chuyển tiếp có 45 công trình, dự án. Trong đó:

+ Công trình, dự án quá 2 năm chưa thực hiện có: 7 công trình, dự án

+ Công trình, dự án 2 năm đang thực hiện có: 21 công trình, dự án

+ Công trình, dự án không thuộc quy định tại khoản 7 Điều 76 của Luật Đất đai có: 17 công trình, dự án.

- Tổng số công trình, dự án giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất có: 122 công trình, dự án

(Có Biểu 25/CH kèm theo)

4.8. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

4.8.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2024;

- Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 -2024) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Căn cứ phương pháp xác định giá đất cụ thể;

- Thực tế các nguồn thu từ đất trên địa bàn thành phố qua các năm.

4.8.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

- Các khoản thu: 394,5 tỷ đồng
- + Thu tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 12,5 tỷ đồng
- + Thu cho thuê đất, cho thuê mặt nước: 32,0 tỷ đồng
- + Thu tiền sử dụng đất (đấu giá, chuyển mục đích...): 350,0 tỷ đồng
- Các khoản chi: 123,75 tỷ đồng
- + Chi bồi thường, giải phóng mặt bằng: 117,0 tỷ đồng
- + Chi nhiệm vụ quản lý đất đai: 6,75 tỷ đồng
- Cân đối thu chi: Thu - Chi = 270,75 tỷ đồng

V. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được thực hiện có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh cần phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp chính sau:

5.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

- Khai thác sử dụng đất đi đôi với việc bảo vệ môi trường; khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất, tái tạo lại cảnh quan; bảo vệ rừng phòng hộ, phát triển, bảo vệ rừng sản xuất, tăng độ che phủ rừng, giữ gìn cảnh quan, môi trường sinh thái.

- Cần xem xét ưu tiên đối với những dự án đầu tư có tính trọng điểm, là động lực phát triển kinh tế xã hội của thành phố, các dự án thân thiện với môi trường mang tính bền vững. Các dự án chuyển mục đích sử dụng đất cho phát triển kinh tế, xã hội buộc phải có đánh giá tác động môi trường để có thể ngăn chặn từ trước những nguyên nhân gây ô nhiễm, công tác lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các nguồn nước thải ra môi trường; kiểm tra, kịp thời phát hiện và ngăn chặn, xử phạt các cơ sở sản xuất, cá nhân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước.

- Đối với đất nông nghiệp phải áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai của thành phố. Hạn chế việc sử dụng chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu chuyển giao các giống cây trồng, vật nuôi, hạn chế sâu bệnh, để có năng suất cao, chất lượng tốt.

- Hầu hết các phường, khu phố đều có quy hoạch khu tập kết rác thải, tuy nhiên cần lựa chọn phương thức thu gom và công nghệ xử lý phù hợp, giảm thiểu tác động của khu quản lý rác thải đến môi trường xung quanh.

- Cần phải bố trí sử dụng đất phù hợp. Cần dành quỹ đất để xây dựng các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu như: Xây dựng các hệ thống thủy lợi cung cấp nước tưới trong mùa khô, hệ thống tiêu thoát nước trong mùa mưa, tăng cường mảng xanh, trồng cây xanh dọc theo hành lang an toàn bờ sông. Ngoài ra, quy hoạch gìn giữ diện tích sông, suối, hồ phù hợp góp phần điều hòa khí hậu, môi trường, tưới tiêu phục vụ sản xuất,... để thích ứng và giảm thiểu tác động trực tiếp và gián tiếp của biến đổi khí hậu.

5.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Để thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đạt theo kế hoạch đề ra, cần phải huy động có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, cụ thể:

- Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chi ngân sách thành phố hàng năm, trong đó tiết kiệm chi thường xuyên để ưu tiên bố trí thêm nguồn vốn cho đầu tư phát triển; đồng thời tranh thủ có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỉnh và các nguồn vốn tài trợ ODA để bố trí cho các công trình dự án trên địa bàn thành phố đảm bảo tiến độ đề ra.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm bỏ vốn đầu tư thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ thương mại trên địa bàn thành phố.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện giao đất ở đô thị có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất; thực hiện cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng đất làm mục đích sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các đề án xã hội hóa về lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng đô thị để huy động vốn đóng góp của nhân dân thông qua các công trình xã hội hoá.

- Thực hiện chính sách khai thác quỹ đất hợp lý, phát huy tiềm năng, tăng cường thực hiện các dự án đấu giá, đấu thầu dự án có sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

- Đầu tư có trọng điểm trên các lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt là đầu tư để phát triển thương mại - dịch vụ và xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

- Hướng dẫn việc triển khai thực hiện kế hoạch, quy hoạch; cung cấp thông tin có liên quan cho chủ đầu tư để thực hiện đúng kế hoạch, quy hoạch.

5.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được phê duyệt, UBND thành phố chỉ đạo các phường, các ngành xây dựng phương án kế hoạch sử dụng đất trong phạm vi quản lý của đơn vị mình, phù hợp với nội dung kế hoạch sử dụng đất của thành phố trên địa bàn phường.

- Công khai kế hoạch sử dụng đất của thành phố để mọi người dân biết và thực hiện đúng kế hoạch.

- Tuyên truyền phổ biến pháp luật về đất đai để người dân nắm và tuân thủ; tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính, công khai, rõ ràng trong các thủ tục liên quan tới đất đai.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các biến động đất đai để làm cơ sở cho công tác quản lý đất đai theo đúng kế hoạch sử dụng đất.

- Các công trình đầu tư xây dựng phải tuân thủ phù hợp quy hoạch để đảm bảo quản lý đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch sử dụng đất, đồng thời thông qua nhân dân, phát huy vai trò giám sát của Nhân dân để phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn thành phố.

- Thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư phù hợp và đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền khi thực hiện dự án thu hồi, bồi thường đất đai để người dân thuộc đối tượng thu hồi đất đồng tình thực hiện tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thu hồi đất giải phóng mặt bằng. Giải quyết tốt chỗ ở, ổn định đời sống và tạo việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

6.1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Đông Hà dựa trên điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Đông Hà và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2025. Tổng hợp hầu hết các nhu cầu sử dụng đất của người dân và nhu cầu sử dụng đất của các công trình dự án đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn trung ương, tỉnh, địa phương triển khai trên địa bàn thành phố và một số dự án của các thành phần kinh tế. Đảm bảo điều hòa được quan hệ sử dụng đất trong phát triển xây dựng đô thị và phát triển của các ngành kinh tế phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Đông Hà, là cơ sở pháp lý để tiến hành giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giúp cho các tổ chức, cá nhân có cơ sở pháp lý đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố. Chỉ tiêu các loại đất chính của phương án kế hoạch sử dụng đất 2025 đảm bảo cho phát triển kinh tế - xã hội từ đó nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống của các tầng lớp dân cư, phát triển các ngành kinh tế. Hiệu quả sử dụng đất được nâng cao với sự chuyển dịch cơ cấu đất đai hợp lý, phù hợp với định hướng phát triển của thành phố.

Các nội dung, yêu cầu về kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

6.2. Kiến nghị

Kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Đông Hà, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Đông Hà, để UBND thành phố Đông Hà làm cơ sở tổ chức thực hiện.

BIỂU SỐ LIỆU